

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN TRONG CÁC  
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN Ở VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Kế toán, Tài vụ và Phân tích hoạt động kinh doanh**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

**PGS. TS. NGUYỄN THỊ ĐÔNG**

**Hà Nội 10/2008**

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài:

Với vai trò khơi thông dòng vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh, thị trường chứng khoán có vai trò cực kỳ quan trọng trong nền kinh tế đó là: Thúc đẩy việc tích lũy và tập trung vốn để đáp ứng nhu cầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế. Thị trường chứng khoán tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện chính sách mở cửa, cải cách kinh tế thông qua việc phát hành chứng khoán ra nước ngoài. Thị trường chứng khoán rất nhạy cảm đối với các hoạt động kinh tế, là thước đo hiệu quả các hoạt động kinh tế. Giá trị cổ phiếu của các công ty (thị giá) tỷ lệ thuận với lợi nhuận mà công ty đạt được. Chỉ số chung của thị trường chứng khoán phản ánh mức tăng trưởng kinh tế của quốc gia trong thời gian ngắn, trung và dài hạn. Thị trường chứng khoán cho phép ngân hàng sử dụng các chứng từ có giá điều tiết hoạt động của thị trường, khống chế sự co giãn cung cầu tiền tệ, khống chế quy mô đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế và giá trị đồng tiền. Thị trường chứng khoán tạo điều kiện để sử dụng vốn có hiệu quả hơn đối với cả người có tiền đầu tư và người cần tiền để đầu tư.

Hiện nay, Việt Nam có Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, dự kiến năm 2010 Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sẽ trở thành thị trường giao dịch phi tập trung (OTC).

Đánh dấu bằng phiên giao dịch đầu tiên được thực hiện vào ngày 28/7/2000 tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch), sau hơn 9 năm chính thức đi vào hoạt động TTCK Việt Nam ngày càng thể hiện vai trò quan trọng của mình trong sự phát triển chung của nền kinh tế.

Công ty chứng khoán là một định chế tài chính trung gian, tham gia hầu hết vào quá trình luân chuyển của chứng khoán: từ khâu phát hành trên thị trường sơ cấp đến khâu giao dịch mua bán trên thị trường thứ cấp.

Công ty chứng khoán (CTCK) là tác nhân quan trọng không thể thiếu trong quá trình phát triển của thị trường chứng khoán (TTCK). Vai trò của CTCK được thể hiện qua các nghiệp vụ của CTCK. Thông qua các hoạt động này, CTCK đã thật sự tạo ra ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển của nền kinh tế nói chung và TTCK nói riêng.

Để thực hiện sứ mệnh là một định chế tài chính trung gian và đạt được kết quả hiện nay không thể không kể đến vai trò của tổ chức hạch toán kế toán trong các CTCK. Là loại hình kinh doanh mới tại Việt Nam, tổ chức kế toán tài chính trong công ty chứng khoán có đặc điểm vừa làm vừa học hỏi và điều chỉnh.

Với mong muốn, nghiên cứu thực tế và đưa ra các giải pháp hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán trong các CTCK ở Việt Nam giúp các CTCK ngày càng phát triển bền vững trong nền kinh tế Việt Nam nói chung và TTCK nói riêng. Tôi đã chọn đề tài: “Hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán trong các Công ty Chứng khoán ở Việt Nam”

## **2. Mục đích nghiên cứu:**

Đề tài được nghiên cứu nhằm một số mục đích cụ thể như sau:

- Hệ thống hoá cơ sở lý luận về tổ chức hạch toán kế toán trong Công ty Chứng khoán.
- Đánh giá thực tế tổ chức hạch toán kế toán trong các công ty chứng khoán ở Việt Nam.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán trong các Công ty chứng khoán ở Việt Nam

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:**

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là tổ chức hạch toán kế toán trong các công ty chứng khoán ở Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu của luận văn là tổ chức hạch toán kế toán tại Công ty chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam và Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn.

### **4. Phương pháp nghiên cứu:**

Trong quá trình thực hiện luận văn, có nhiều phương pháp nghiên cứu được sử dụng. Đó là: phương pháp biện chứng duy vật, phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp hệ thống hoá, phương pháp khảo sát thực tế... Các phương pháp trên được sử dụng kết hợp nhằm mục đích xem xét, đánh giá các vấn đề cần nghiên cứu, từ đó nêu lên các ý kiến của bản thân.

### **5. Dự kiến những đóng góp của luận văn:**

- Hệ thống hoá một số vấn đề có tính lý luận về tổ chức hạch toán kế toán tại các công ty chứng khoán.
- Đánh giá thực trạng tổ chức hạch toán kế toán tại các công ty chứng khoán ở Việt Nam.
- Giải pháp hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán trong các Công ty Chứng khoán ở Việt Nam.

## **6. Kết cấu của luận văn:**

Với đề tài: “Hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán trong các Công ty Chứng khoán ở Việt Nam”, ngoài phần mở đầu, kết luận và phụ lục, luận văn được kết cấu thành 3 chương:

**Chương 1:** Cơ sở lý luận chung về tổ chức hạch toán kế toán trong các công ty chứng khoán

**Chương 2:** Thực trạng tổ chức hạch toán kế toán trong các công ty chứng khoán ở Việt Nam

**Chương 3:** Giải pháp hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán trong các công ty chứng khoán ở Việt Nam

## **CHƯƠNG I: TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN TRONG CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

### **1.1. Vai trò tổ chức hạch toán kế toán trong quản lý công ty chứng khoán**

#### **1.1.1. Công ty chứng khoán và đặc trưng quản lý công ty chứng khoán**

Công ty chứng khoán là một định chế tài chính trung gian chịu sự giám sát trực tiếp của Ủy ban chứng khoán nhà nước. Thực hiện chức năng trung gian trong thị trường chứng khoán (TTCK). Mọi giao dịch trên TTCK đều thực hiện qua khâu trung gian, đó là các công ty chứng khoán.

Hoạt động tư vấn tài chính của công ty chứng khoán nhằm tạo hàng hoá cho thị trường chứng khoán. Công ty chứng khoán thực hiện tư vấn phát hành cổ phiếu cung cấp hàng hoá cho thị trường sơ cấp. Tổ chức, sắp xếp cho các công ty cổ phần lên sàn tạo hàng hoá cho thị trường thứ cấp.

Để hàng hoá trong thị trường chứng khoán lưu thông thì nghiệp vụ môi giới của công ty chứng khoán là hoạt động quan trọng đảm bảo thực hiện xử mệnh trung gian của công ty chứng khoán. Nhà đầu tư mua, bán chứng khoán phải làm thủ tục mở tài khoản tại một công ty chứng khoán. Sau đó công ty chứng khoán sẽ giúp nhà đầu tư thực hiện các yêu cầu thể hiện trên Phiếu lệnh mua, Phiếu lệnh bán: loại chứng khoán, số lượng và mức giá chứng khoán.

Nhà đầu tư là một trong hai nhân tố không thể thiếu trong lưu thông của thị trường chứng khoán. Nhà đầu tư không chỉ gồm: cá nhân, doanh nghiệp đầu tư tài chính mà công ty chứng khoán cũng là nhà đầu tư khổng lồ tham gia thị trường, thông qua hoạt động tự doanh trên cơ sở ưu tiên lệnh của khách hàng trước.

Công ty chứng khoán là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân đồng thời thực hiện kinh doanh tài chính cho chính mình trên cơ sở dùng

vốn điều lệ do Ủy ban chứng khoán nhà nước cho phép. Vì thế quản lý công ty chứng khoán mang nhiều tính đặc thù:

- Quản lý hệ thống cung cấp dịch vụ trên cơ sở quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước.
- Quản lý hệ thống nghiệp vụ đảm bảo yêu cầu của Bộ Tài Chính, Thuế và các cơ quan chức năng khác: Bảo hiểm, Thống kê,...

### **1.1.2. Vai trò của tổ chức hạch toán kế toán trong quản lý công ty chứng khoán**

Tổ chức hạch toán kế toán trong công ty chứng khoán cung cấp một bộ khung cho bộ phận tài chính trong đơn vị. Tổ chức hạch toán kế toán tốt bộ máy kế toán sẽ hoạt động thông suốt. Công tác tổ chức hạch toán ban đầu là xử lý chứng từ đảm bảo hợp pháp, hợp lệ và phản ánh đầy đủ nội dung của nghiệp vụ kinh tế. Tổ chức hệ thống tài khoản tốt sẽ cung cấp thông tin chi tiết theo yêu cầu quản lý và tạo điều kiện cho việc lập báo cáo tài chính được thuận lợi, chính xác. Công tác kế toán theo các quy trình hạch toán hoạt động kinh doanh đảm bảo phản ánh đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh lên sổ và báo cáo kế toán. Từ đó thông tin kế toán cung cấp cho quản lý có độ chính xác cao, góp phần thực hiện và tối ưu hoá các chiến lược kinh doanh trong công ty.

## **1.2. Nguyên tắc và yêu cầu tổ chức hạch toán kế toán trong công ty chứng khoán**

### **1.2.1. Nguyên tắc tổ chức hạch toán kế toán trong công ty chứng khoán**

- *Thống nhất*, theo nguyên tắc này, hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ và báo cáo kế toán trong công ty chứng khoán phải được tổ chức thống nhất.

Hệ thống chứng từ được tổ chức thống nhất về biểu mẫu, quy trình lập và luân chuyển, phương pháp lưu trữ và bảo quản.

Hệ thống tài khoản phải ngắn gọn, mối quan hệ logic giữa các loại tài khoản phải chặt chẽ đồng thời phản ánh đầy đủ nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Doanh nghiệp phải áp dụng thống nhất một phương pháp ghi sổ. Hệ thống sổ được thiết kế thống nhất về cơ cấu, đảm bảo phản ánh đầy đủ thông tin kế toán – tài chính trong doanh nghiệp đồng thời cung cấp thông tin chi tiết, tổng hợp cho công tác lập báo cáo tài chính.

- *Phù hợp*, tổ chức hạch toán kế toán trong doanh nghiệp phải phù hợp với đặc thù kinh doanh, quy mô kinh doanh. Đặc biệt phải phù hợp với điều kiện lao động kế toán và trình độ lao động kế toán.

- *Chuẩn mực*, tổ chức hạch toán kế toán phải đảm bảo tuân theo chế độ kế toán. Hệ thống chứng từ, phương pháp lập, luân chuyển phải đảm bảo tuân theo chế độ kế toán.

Hệ thống tài khoản phải được tổ chức trên cơ sở hệ thống tài khoản thống nhất của chế độ hiện hành. Phương pháp ghi chép, phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh phải nhất quán trong niên độ kế toán.

Hệ thống sổ và báo cáo kế toán phải tổ chức thống nhất theo chế độ kế toán công ty chứng khoán.

- *Hiệu quả*, theo nguyên tắc này, tổ chức hạch toán kế toán đảm bảo công việc kế toán phải dễ làm, thông tin kế toán dễ kiểm tra và cung cấp đầy đủ, cập nhật theo yêu cầu quản lý.

### **1.2.2. Yêu cầu tổ chức hạch toán kế toán**

- Đảm bảo thu nhận và hệ thống hóa thông tin về toàn bộ hoạt động kinh tế - tài chính ở doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin kế toán tin cậy phục vụ cho công tác quản lý kinh tế- tài chính của Nhà nước và quản trị kinh doanh của doanh nghiệp;

- Phù hợp với quy mô và đặc điểm tổ chức sản xuất, kinh doanh đặc điểm tổ chức quản lý của doanh nghiệp;



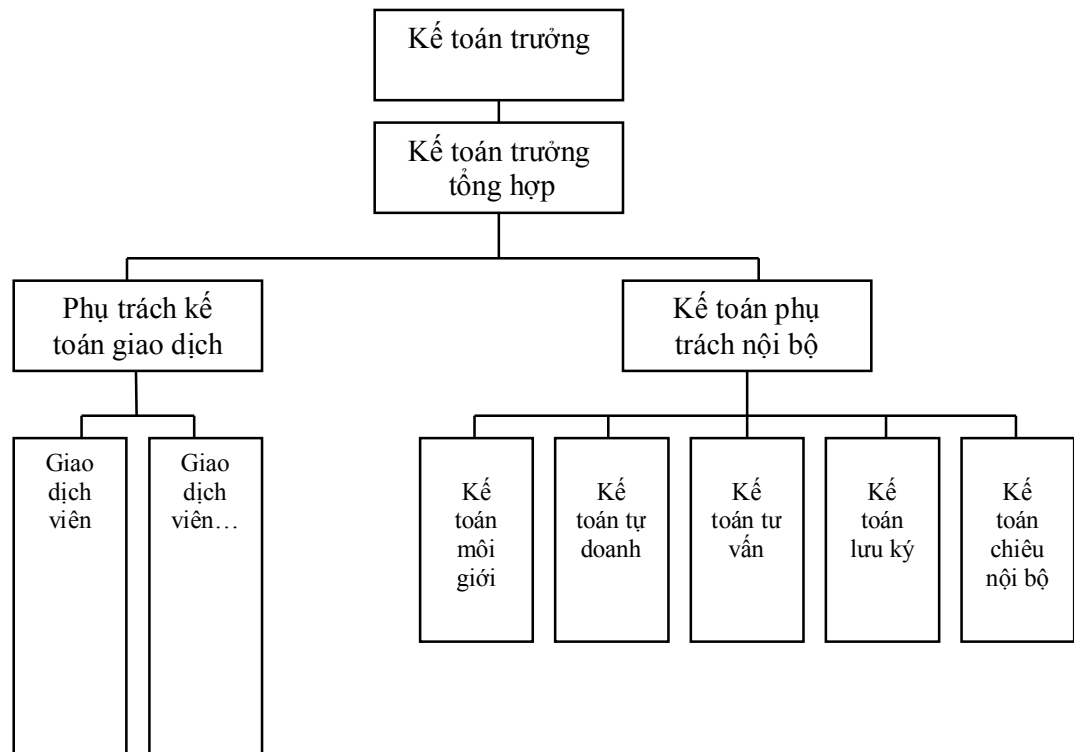
- Phù hợp với trình độ, khả năng của đội ngũ cán bộ kế toán của doanh nghiệp và khả năng trang bị các phương tiện kỹ thuật tính toán, ghi chép của doanh nghiệp;

- Phù hợp với các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

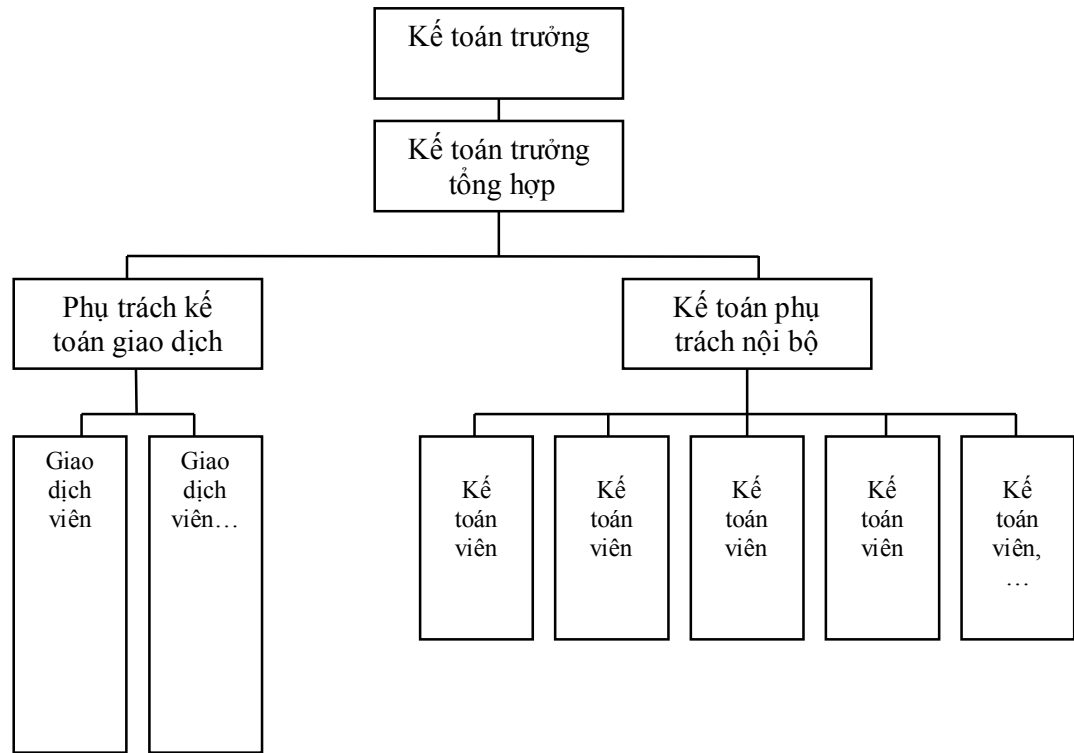
### 1.3. Nội dung tổ chức hạch toán kế toán trong công ty chứng khoán

#### 1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán trong công ty chứng khoán có thể tổ chức theo hai hình thức. Các kế toán viên làm việc độc lập hoặc hỗ trợ lẫn nhau.



Sơ đồ 1.1: Tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức độc lập



Sơ đồ 1.2: Tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức hỗ trợ

### 1.3.2. Tổ chức quá trình hạch toán kế toán

#### 1.3.2.1. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán

Chứng từ là những chứng minh bằng giấy tờ về nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đã phát sinh và thực sự hoàn thành. Mọi số liệu ghi trong sổ kế toán bắt buộc phải được chứng minh bằng chứng từ kế toán hợp pháp và hợp lệ.

Mọi nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong hoạt động giao dịch, kinh doanh chứng khoán đều được lập chứng từ. Chứng từ trong công ty chứng khoán gồm hai hệ thống:

+ Hệ thống chứng từ kế toán thống nhất bắt buộc: Là hệ thống chứng từ phản ánh các quan hệ kinh tế giữa các pháp nhân hoặc có yêu cầu quản lý chặt chẽ mang tính chất phổ biến rộng rãi. Đối với loại chứng từ này Nhà nước tiêu

chuẩn hoá về quy cách, biểu mẫu, chỉ tiêu phản ánh, phương pháp lập và áp dụng thống nhất.

+ Hệ thống chứng từ kế toán mang tính hướng dẫn: Là những chứng từ kế toán sử dụng trong nội bộ đơn vị. Nhà nước hướng dẫn các chỉ tiêu đặc trưng để đơn vị trên cơ sở đó vận dụng vào từng trường hợp cụ thể thích hợp. Công ty chứng khoán có thể thêm, bớt một số chỉ tiêu đặc thù, hoặc thay đổi thiết kế mẫu biểu cho thích hợp với việc ghi chép và yêu cầu nội dung quản lý hoạt động kinh doanh, nhưng phải đảm bảo tính pháp lý cần thiết của chứng từ.

Loại hình kinh doanh chứng khoán mang tính đặc thù do đó ngoài năm chỉ tiêu thông thường:

Lao động tiền lương

Hàng tồn kho

Vốn bằng tiền

Tài sản cố định

Bán hàng

Hệ thống chứng từ trong công ty chứng khoán còn có thêm hai chỉ tiêu:

Chứng từ giao dịch mua, bán chứng khoán

Thanh toán bù trừ mua, bán chứng khoán

### **1.3.2.2. Tổ chức hệ thống tài khoản**

**Phân hệ 1:** Tài khoản theo dõi nội bảng

**Phân hệ 2:** Tài khoản theo dõi ngoại bảng

Tài khoản cấp I, II, III thuộc phân hệ 2,3 được quy định tại QĐ99/2000/QĐ-BTC

Tài khoản thuộc phân hệ 2 được dùng để phản ánh tình hình biến động tài sản, nguồn vốn; tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty.

Tài khoản thuộc phân hệ 3 được dùng để phản ánh tình hình biến động chứng khoán của nhà đầu tư và của công ty.

**1.3.2.2. Tổ chức hệ thống sổ kế toán**

Các công ty chứng khoán đều mở sổ, ghi chép, quản lý, lưu trữ và bảo quản sổ kế toán theo đúng các quy định của chế độ sổ kế toán.

Sổ kế toán trong công ty chứng khoán gồm hai loại:

- Sổ của phần kế toán tổng hợp, gồm hai loại: Sổ Cái và Sổ Nhật ký
  - Sổ của phần kế toán chi tiết, gồm: Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Hình thức sổ kế toán quy định áp dụng thống nhất đối với công ty chứng khoán gồm:

- Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung
- Hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

Công ty chứng khoán có thể căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, điều kiện trang bị kỹ thuật để lựa chọn một hình thức sổ kế toán phù hợp.

#### **1.3.2.4. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán**

Hệ thống báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán được lập đề:

- Tổng hợp, trình bày một cách thống nhất một cách tổng quát và toàn diện tình hình tài sản, công nợ, nguồn vốn và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán trong kỳ kế toán.
- Cung cấp thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu cho việc đánh giá thực trạng tài chính của công ty chứng khoán, đánh giá tình hình và kết quả hoạt động của công ty chứng khoán trong kỳ hoạt động đã qua và những dự đoán trong tương lai. Thông tin của báo cáo tài chính là căn cứ quan trọng cho việc đề ra các quyết định về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh chứng khoán hoặc đầu tư vào các công ty chứng khoán của các nhà đầu tư, cổ đông, chủ nợ hiện tại và tương lai của công ty.
- Hệ thống báo cáo tài chính của công ty chứng khoán bao gồm 4 biểu mẫu:

Bảng cân đối kế toán

Kết quả hoạt động kinh doanh

Lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Ngoài ra, để phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh chứng khoán, công ty chứng khoán có thể có thêm các báo cáo tài chính chi tiết khác.

### **1.3.3. Tổ chức công tác kiểm tra, kiểm soát hệ thống thông tin kế toán**

Để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát hệ thống thông tin kế toán, các công ty chứng khoán thành lập nhóm, tổ hoặc phòng kiểm tra, kiểm soát nội bộ; kế toán trưởng, kế toán phụ trách phân hành (nếu có) kết hợp với cán bộ kiểm tra kiểm soát nội bộ kiểm tra công tác soát xét chứng từ, phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh lên sổ kế toán và báo cáo kế toán của kế toán viên.

Công tác kiểm tra, kiểm soát được thực hiện dựa trên các quy định của nhà nước và các quy trình quản lý của từng công ty.

### **1.3.4. Phân tích, xử lý thông tin và sử dụng thông tin kế toán trong quản lý tại công ty chứng khoán**

Hiện nay, công tác phân tích, xử lý thông tin kế toán trong các công ty chứng khoán được thực hiện dựa trên các số liệu quá khứ để dự báo tình hình kinh doanh trong những kỳ kế toán tiếp theo. Công tác này có ý nghĩa quan trọng trong việc lập dự toán chi phí và lập kế hoạch kinh doanh.

Công việc này được kế toán trưởng kết hợp với ban lãnh đạo đảm nhiệm.

## **CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN TRONG CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN Ở VIỆT NAM**

### **2.1. Lịch sử hình thành, phát triển các công ty chứng khoán trong thị trường chứng khoán Việt Nam và các mô hình quản lý công ty chứng khoán**

#### **2.1.1. Lịch sử hình thành, phát triển các công ty chứng khoán trong thị trường chứng khoán Việt Nam**

Ngày 10/7/2000 Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 48/1998/NĐ-CP về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng **Quyết định** thành lập hai trung tâm giao dịch chứng khoán (TTGDCK) tại Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh. Nhà nước ta xác định rõ TTCK muốn phát triển mạnh mẽ và bền vững cần xây dựng TTCK minh bạch, hoạt động công khai đảm bảo giao dịch công bằng. Ủy ban chứng khoán nhà nước (UBCKNN) chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của TTCK trên cơ sở 3 nguyên tắc hoạt động cơ bản: nguyên tắc công khai, nguyên tắc trung gian, nguyên tắc đấu giá.

- Nguyên tắc công khai quy định rằng mọi thông tin liên quan tới thị trường chứng khoán đều được chia sẻ bình đẳng giữa tất cả thành viên tham gia thị trường. Thông tin về công ty phát hành, cơ quan quản lý nhà nước, diễn biến giá cả trên TTCK phải được cung cấp cho UBCKNN, Sở GD CK TP.HCM, TTGDCK Hà Nội, các công ty chứng khoán và được cung cấp thêm các phương tiện thông tin đại chúng.

- Nguyên tắc trung gian quy định mọi giao dịch trên TTCK phải thực hiện qua khâu trung gian, đó là các công ty chứng khoán. Nhà đầu tư muốn mua, bán chứng khoán trước hết phải đến làm thủ tục mở tài khoản tại một công ty chứng khoán. Sau đó công ty chứng khoán sẽ giúp nhà đầu tư thực hiện các yêu cầu thể hiện trên các phiếu lệnh. Nguyên tắc trung gian tạo thuận lợi cho việc duy trì trật tự và khả năng quản lý đối với một thị trường tập trung đông

đúc. Mặt khác, qua công ty môi giới, nhà đầu tư có thể nhận được những thông tin chi tiết, những ý kiến tư vấn từ bộ phận nghiên cứu phân tích của công ty.

- Nguyên tắc đấu giá quy định rằng mỗi người mua, bán trên thị trường chứng khoán đều được đưa ra mức giá của mình, tất cả các mức giá đó được tập trung lại nhờ hệ thống máy tính. Nhà đầu tư nào đưa ra mức giá tốt thì nhà đầu tư đó sẽ được ưu tiên thực hiện yêu cầu của mình. Giá tốt nhất là giá đặt mua cao nhất và giá đặt bán thấp nhất. Nguyên tắc này đảm bảo tính công bằng và hiệu quả của thị trường: giá cả được xác lập do cạnh tranh giữa những nhà đầu tư được bình đẳng trong việc chia sẻ thông tin.

Ngày 20/7/2000, TTGDCK TP.Hồ Chí Minh đã chính thức khai trương, đi vào vận hành và thực hiện phiên giao dịch đầu tiên vào ngày 28/7/2000. Thị trường bắt đầu từ mốc 100 điểm của chỉ số VN-Index. Với năm công ty chứng khoán thành viên, một tuần giao dịch 3 phiên mỗi phiên kéo dài hai giờ, giá trị mỗi phiên chỉ có vài chục triệu đến vài trăm triệu. Cổ phiếu niêm yết đầu tiên trên sàn giao dịch TP.Hồ Chí Minh là REE (Công ty cổ phần Cơ điện lạnh) với số lượng niêm yết ban đầu là 15.000.000 cổ phiếu. Xếp thứ hai là SAM (Công ty cổ phần Cáp và Vật liệu viễn thông). Tổng giá trị vốn hoá khởi đầu của thị trường là 270 tỷ đồng.

Quá trình cổ phần hoá các doanh nghiệp Nhà nước bắt đầu từ năm 2000 đã có ảnh hưởng nhất định đối với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam. **Đến cuối năm 2000 có năm loại cổ phiếu giao dịch tăng lên .... Mã chứng khoán niêm yết trên sàn.** NĐT tham gia vào TTCK cũng ngày càng sôi động, từ ..... tài khoản giao dịch năm 2000, đến 2001 là:                    2002 là:  
2003 là:                    2004 là: 2005 là:

Tuy nhiên, sau một thời gian dài đổi mới và thực hiện những mục tiêu của quá trình cổ phần hoá, hội nhập và gia nhập WTO, xây dựng TTCK Việt Nam như một kênh chủ đạo huy động vốn còn chậm. Giá trị vốn hoá của thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2000 - 2005 đều dưới 1 tỷ USD.



Để khắc phục tình trạng này, năm 2005 Chính phủ đã có các chính sách cho phép các nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu 49% tổng số cổ phiếu của các Công ty đăng ký giao dịch trên TTGDCK. Điều đó góp phần tích cực cho việc huy động sự tham gia vào TTCK của các Công ty, tổ chức, cá nhân người nước ngoài và Việt kiều. Có thể nói, 3 yếu tố quan trọng liên quan đến sự phát triển của các TTCK mới hình thành đó là: xây dựng hệ thống chính sách, pháp luật, cơ cấu tổ chức; đầu tư hệ thống kỹ thuật cũng như xây dựng hệ thống thông tin, cung cấp kiến thức đại chúng và đào tạo nhân sự.

Là một trong những TTCK trẻ nhất trong các nước Châu á, sau gần 9 năm thành lập và phát triển, đến nay TTCK Việt Nam đã trở thành thị trường tương đối sôi động, thu hút sự tham gia mạnh mẽ của các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước. Hiện nay, giá trị vốn hoá của thị trường đạt hơn 20 tỷ USD.

Bộ tài chính và Ủy ban chứng khoán nhà nước đã tích cực hỗ trợ cho các công ty có khả năng lên sàn, phổ biến kiến thức về TTCK; đào tạo, phổ biến kiến thức cho đội ngũ cán bộ quản lý. Sau những cuộc cổ phần hoá lớn và triệt để đã có nhiều công ty quốc doanh và ngoài quốc doanh lên sàn. Với điều kiện về vốn điều lệ: từ 10 tỷ đồng trở lên sẽ được phép trình hồ sơ niêm yết lên sàn Hà Nội, từ 80 tỷ đồng trở lên sẽ được phép trình hồ sơ niêm yết lên sàn TP Hồ Chí Minh. Số lượng công ty niêm yết trên Sở GDCK TP.Hồ Chí Minh là 164 và TTGD CK Hà Nội là 149. Những công ty đã niêm yết ngày càng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Tại Việt Nam hiện ước tính có hàng trăm công ty giao dịch ngoài TTCK chính thức. Các công ty này chưa đủ điều kiện để giao dịch trên sàn. Vì thế, các chủ công ty thường chỉ bán cổ phần cho đối tác, họ hàng và bạn bè. Thị trường phi tập trung này hoạt động khá sôi động và chưa được tổ chức thành thị trường quy mô có quản lý. Dự tính đến năm 2009 TTGD CK Hà Nội trở thành Trung tâm giao dịch chứng khoán phi tập trung (sàn OTC).

Nhìn lại quá trình hình thành và phát triển TTCK VN thì năm 2004, 2007 là hai năm khá thành công. Năm 2004, Chính phủ đã kịp thời ban hành và triển khai một loạt chủ trương, chính sách phát triển thị trường chứng khoán cũng như đẩy mạnh hơn nữa tiến trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước. Thị trường cổ phiếu sau một thời gian dài rơi vào tình trạng trầm lắng đã có sự hồi phục và tăng trưởng mạnh mẽ. Chỉ số Vn-Index đã tăng từ 166.94 vào thời điểm cuối năm 2003 lên gần 280 điểm vào đầu tháng 4/2004 (tăng 67,7%).

Năm 2007 đánh dấu một bước phát triển vượt bậc của TTCK Việt Nam trên các lĩnh vực từ quy mô của thị trường, các chủ thể tham gia, đến các văn bản pháp lý hướng dẫn thi hành luật chứng khoán chính thức có hiệu lực từ 1/1/2007 điều chỉnh các mặt hoạt động của thị trường. Với mức giao dịch bình quân trên 1.500 tỷ đồng /1 phiên giao dịch gần đạt khoảng 100.000.000 USD, TTCK Việt Nam nằm trong mối quan tâm của các nhà đầu tư tổ chức, cá nhân nước ngoài. Tính đến cuối năm 2007, đã có 516 tổ chức và 8.167 cá nhân đăng ký tài khoản giao dịch. Mức giao dịch đạt 1.500 tỷ đồng/phiên giao dịch tạo ra một khoản phí thường xuyên cho hoạt động môi giới từ 6 tỷ đồng đến 12 tỷ đồng. Điều này cũng lý giải phần nào cho sự tăng trưởng đột biến về số lượng các công ty chứng khoán (CTCK) mới ra đời. Đến hết năm 2007 đã có tới 100 CTCK đăng ký hoạt động, tăng gần gấp 2 lần so với 55 CTCK được chấp thuận vào cuối năm 2006.

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 01 tháng 9 năm 2000 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Công thương Việt Nam, hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, vốn Nhà nước, kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán và cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính.

Hiện nay, với số vốn điều lệ là 500 tỷ đồng cộng với sự phấn đấu không ngừng của tập thể 110 cán bộ có năng lực, Công ty Chứng khoán Công thương

đã tổ chức thực hiện đầy đủ các loại hình dịch vụ kinh doanh chứng khoán: tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tự doanh.

Cùng với Công ty Chứng khoán Công thương là Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI) được thành lập vào tháng 12/1999, đến tháng 4/2000 UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán với hai nghiệp vụ Môi giới và Tư vấn đầu tư chứng khoán. Đến Tháng 7/2002: Công ty mở chi nhánh tại Hà nội. Hiện nay, với số vốn điều lệ là: 1.366.666.710.000 đồng, SSI có mục tiêu trở thành tập đoàn tài chính hàng đầu tại Việt nam, hoạt động theo mô hình Ngân hàng đầu tư với các dịch vụ: môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành, thu xếp và quản lý vốn, quản lý quỹ đầu tư và quản lý danh mục đầu tư.

### **2.1.2. Tình hình hoạt động kinh doanh chứng khoán của một số công ty chứng khoán Việt Nam**

Từ khi thành lập đến nay TTCK Việt Nam đã trải qua nhiều bước thăng trầm nhưng cũng đạt được những thành công nhất định. Các công ty chứng khoán Việt Nam mặc dù vừa tổ chức hoạt động vừa tự rút kinh nghiệm và học hỏi phương pháp điều hành của nước ngoài nhưng hầu hết đều làm ăn có lãi.

Khảo sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty chứng khoán Công thương và Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn thông qua báo cáo tài chính từ năm 2002 đến năm 2007. Tôi thấy, các công ty đều phát triển vững trắc, quá trình phát triển của hai công ty được khái quát qua hai bảng số liệu sau:

Bảng 1: Một số chỉ tiêu tổng hợp của Công ty chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
1	Tổng tài sản	Trđ	89.909	553.470	417.939	608.459	1.172.565	1.069.245
2	Vốn điều lệ	Trđ	55.000	55.000	105.000	105.000	105.000	300.000
3	Vốn chủ sở hữu	Trđ	56.769	61.813	122.070	130.407	155.207	350.656
4	Vốn CSH bình quân	Trđ	56.996	59.757	92.417	126.776	142.807	252.901
5	DT từ hoạt động KD chứng khoán	Trđ	6.583	15.747	37.071	52.053	103.130	35.140
6	Doanh thu khác	Trđ	7	27	42	50	16	1
7	LN từ hoạt động KD chứng khoán	Trđ	2.408	5.720	11.282	14.096	31.565	42.131
8	Lợi nhuận khác	Trđ	7	27	7	43	16	1
9	Tổng lợi nhuận trước thuế	Trđ	2.417	5.747	11.289	14.140	31.581	42.132
10	Tổng lợi nhuận sau thuế	Trđ	2.036	4.836	11.275	12.822	25.723	34.317
11	Nợ phải trả	Trđ	33.119	491.656	295.869	478.051	1.017.357	705.378
12	Nợ phải thu	Trđ	1.818	4.081	11.205	105.488	137.869	35.228
13	Số lao động	Người	57	56	46	67	85	93
14	Thu nhập/người/tháng	Trđ	2,4	1,90	2,00	4,00	6,00	9,00
15	ROE = LNST/VCSH bình quân	%	4%	8%	12%	10%	18%	14%
16	ROE=LNTT/VCSH bình quân	%	4%	10%	12%	11%	22%	17%

Nguồn số liệu: Báo cáo tài chính Công ty chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam từ năm 2002 – 2007 đã kiểm toán

### 2.1.3. Mô hình quản lý công ty chứng khoán

Ở Việt Nam, công ty chứng khoán là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp. Được UBCKNN cấp giấy phép thực hiện một hoặc một số loại hình kinh doanh chứng khoán:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

- Môi giới chứng khoán là một hoạt động kinh doanh chứng khoán. Trong đó công ty chứng khoán đại diện cho khách hàng tiến hành giao dịch thông qua cơ chế giao dịch tại SGDCK, TTGD và khách hàng phải chịu trách nhiệm đối với hậu quả kinh tế của việc giao dịch đó.

- Tự doanh là việc công ty chứng khoán tự tiến hành các giao dịch mua bán chứng khoán cho chính mình trong điều kiện ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của công ty.

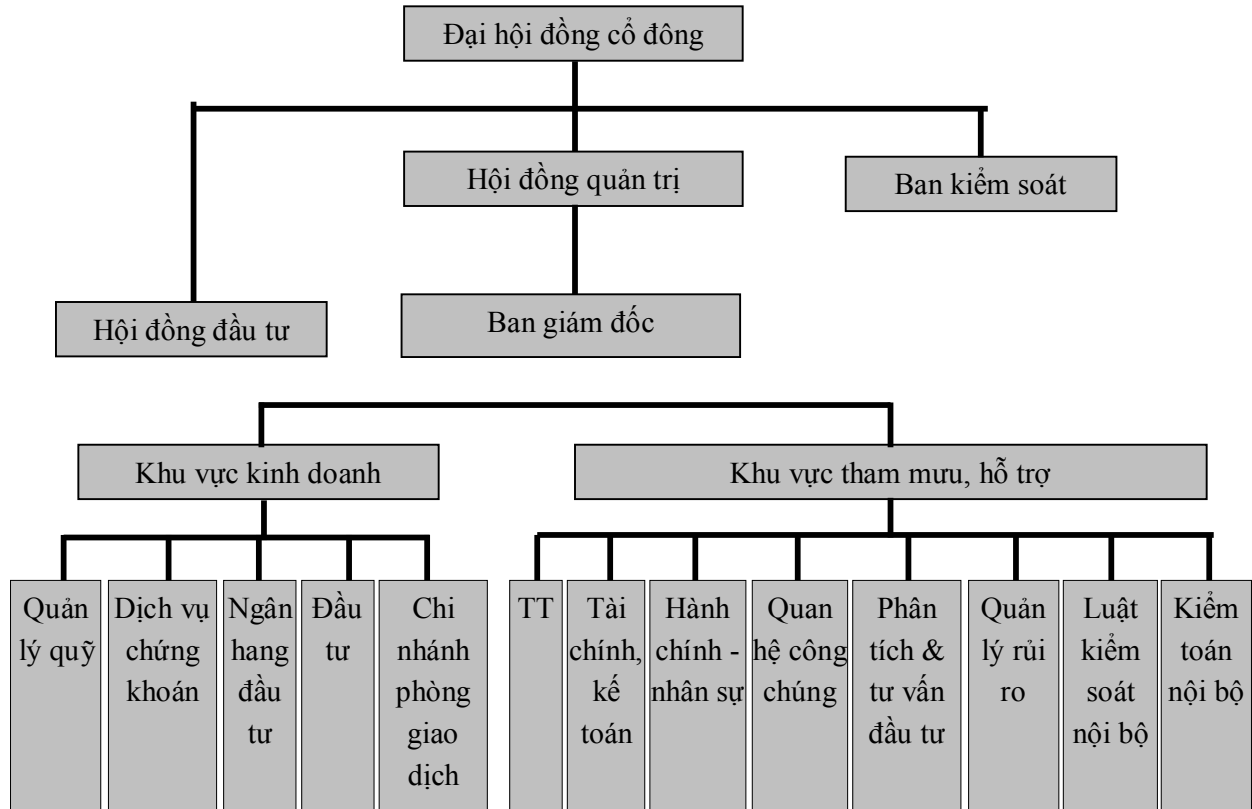
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán là việc công ty chứng khoán có chức năng bảo lãnh (gọi tắt là tổ chức bảo lãnh), giúp tổ chức phát hành thực hiện các thủ tục trước khi phát hành chứng khoán ra thị trường chứng khoán, phân phối chứng khoán cho các nhà đầu tư. Nhận mua chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa phân phối hết.

- Tư vấn đầu tư chứng khoán là việc công ty chứng khoán thông qua hoạt động phân tích để đưa ra các lời khuyên, phân tích các tình huống và có thể thực hiện một số dịch vụ khác liên quan đến việc phát hành, đầu tư và cơ cấu tài chính cho khách hàng.

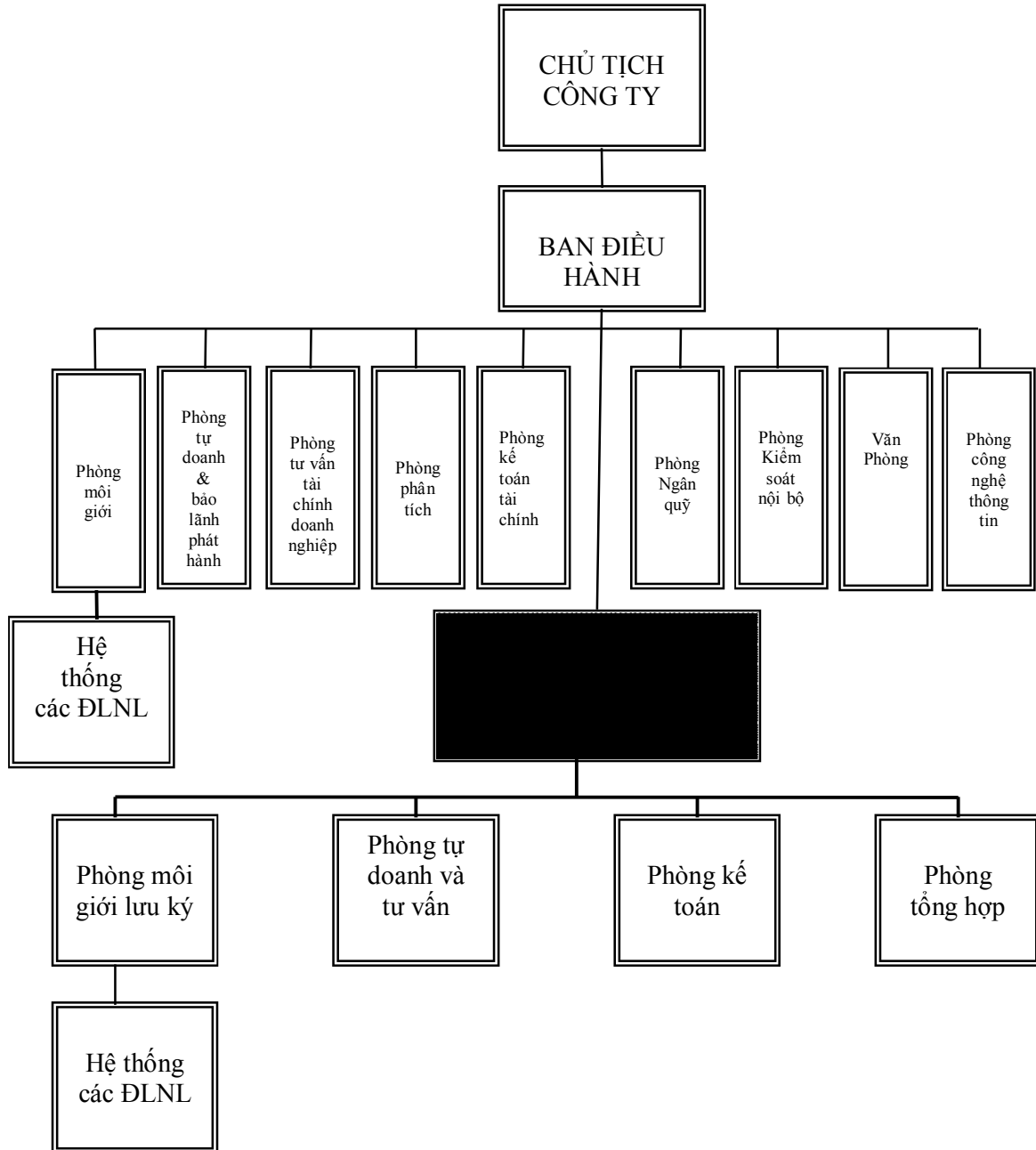
Hiện nay, Ủy ban chứng khoán nhà nước quy định mức vốn tối thiểu để thực hiện nghiệp vụ môi giới là 10 tỷ đồng, nghiệp vụ tự doanh là: 70 tỷ đồng và nghiệp vụ bảo lãnh là 120 tỷ đồng. Như thế, công ty chứng khoán thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ thì số vốn điều lệ tối thiểu là 200 tỷ đồng.

## Sơ đồ quản lý một số công ty chứng khoán Việt Nam

Sơ đồ 2.1: Mô hình quản lý tại công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn



Sơ đồ 2.2: Mô hình quản lý tại Công ty chứng khoán NH Công thương Việt Nam



## **Chức năng của các phòng ban nghiệp vụ:**

### **- Phòng tổ chức – hành chính:**

Thực hiện xây dựng quy chế, nội dung về khen thưởng, kỷ luật lao động, áp dụng trong toàn công ty.

Quản lý hồ sơ nhân viên, điều động sắp xếp nhân lực theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh, xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu kinh doanh. Tính toán, kiểm tra việc chấm công lao động để làm căn cứ cho kế toán thanh toán tiền lương hàng tháng.

Quản lý con dấu của công ty, công văn đến, công văn đi và các giấy tờ khác liên quan.

Một chức năng quan trọng của phòng tổ chức hành chính là quản lý tổ bảo vệ của công ty, theo dõi công tác bảo vệ tài sản của công ty, bảo vệ an ninh trật tự cho nhà đầu tư trong giờ giao dịch.

### **- Phòng kế toán tài chính:**

Có nhiệm vụ thực hiện và kiểm soát các nghiệp vụ tài chính - kế toán trong công ty theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và pháp luật cũng như đặc thù hoạt động của công ty. Tổ chức công tác hạch toán các nghiệp vụ kinh tế của các hoạt động kinh doanh.

Cung cấp các thông tin về tài chính theo yêu cầu quản lý trong và ngoài công ty. Thực hiện nhiệm vụ thanh toán với nhà nước, khách hàng, nhà cung cấp và các đối tượng khác.

### **- Phòng Môi giới:**

Thực hiện nhiệm vụ trung gian giữa việc mua và bán chứng khoán nhằm tối đa hoá lợi nhuận của khách hàng. Hướng dẫn và thực hiện các yêu cầu của khách hàng về:

- Mở tài khoản



- Giao dịch
- Cung cấp thông tin cho khách hàng
- Giải đáp các thắc mắc của khách hàng

Đồng thời thực hiện một số dịch vụ giá trị gia tăng như: vấn tin tài khoản và tra cứu tình trạng lệnh giao dịch, ứng trước tiền bán chứng khoán,...

### **- Phòng lưu ký:**

Thực hiện cất giữ cổ phiếu, trái phiếu bằng hệ thống kho két chuyên dụng, hệ thống hút ẩm và chống cháy kiên cố. Thay nhà đầu tư thực hiện các quyền: lĩnh cổ tức, trái tức và các quyền lợi khác như đăng ký mua phát hành thêm giúp nhà đầu tư tiết kiệm thời gian và chi phí.

### **- Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp: thực hiện các chức năng**

#### **Tư vấn cổ phần hóa (CPH)**

- Tư vấn xây dựng lộ trình CPH
- Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp
- Tư vấn xây dựng phương án CPH
- Tư vấn xây dựng phương án bán cổ phần
- Tư vấn chỉnh sửa điều lệ, nội quy, quy chế nội bộ
- Tư vấn tổ chức đấu giá cổ phần
- Tư vấn tổ chức Đại hội cổ đông

#### **Tư vấn phát hành**

- Tư vấn lựa chọn công cụ tài chính thích hợp
- Tư vấn lựa chọn phương thức phát hành

- Tư vấn lập kế hoạch phát hành
- Tư vấn thực hiện các thủ tục xin phép phát hành
- Tư vấn tổ chức thăm dò thị trường
- Tư vấn thực hiện phát hành
- Hỗ trợ tạo lập thị trường giao dịch cổ phiếu sau phát hành

#### **Tư vấn niêm yết**

- Khảo sát và đánh giá tổng quát hoạt động của DN
- Tư vấn hồ sơ niêm yết
- Tư vấn thủ tục xin phép, thay đổi, huỷ bỏ niêm yết
- Tư vấn thực hiện thủ tục đăng ký, lưu ký và niêm yết
- Tư vấn sau niêm yết

#### **Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp**

- Hỗ trợ DN đánh giá hoạt động tài chính tổng thể và xây dựng các biện pháp tối ưu để lành mạnh hóa tình hình tài chính
- Phân tích & đánh giá hiện trạng TCDN
- Xây dựng kế hoạch tái cấu trúc tài chính của doanh nghiệp
- Triển khai hoạt động tái cấu trúc tài chính.

#### **Tư vấn mua/bán, sáp nhập**

- Định giá doanh nghiệp
- Xây dựng kế hoạch mua, bán và sáp nhập
- Tìm kiếm và tổ chức đàm phán với đối tác
- Hỗ trợ sau mua, bán và sáp nhập

**Tư vấn đăng ký, lưu ký**

- Hoàn thiện Hồ sơ trình Trung tâm lưu ký chứng khoán để thực hiện lưu ký tập trung
- Làm đại lý chuyên nhượng cổ phần, nhận lưu ký chứng khoán và quản lý cổ đông cho doanh nghiệp

**Phòng tư doanh:**

Thực hiện kinh doanh chứng khoán cho công ty chứng khoán thông qua các danh mục đầu tư, phương án đầu tư được hội đồng đầu tư của công ty phê duyệt.

**Phòng nghiên cứu phân tích:**

Thực hiện thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin kinh tế. Sản phẩm của phòng là các bản tin ngày, tuần và các báo cáo phân tích

**Bản tin ngày**

Tổng hợp và phân tích diễn biến giao dịch hàng ngày, cập nhật thông tin về các doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết, thông tin kinh tế liên quan đến thị trường chứng khoán trong ngày. Phân tích biểu đồ kỹ thuật hai chỉ số Vn-Index và HaStc-Index và đưa ra chỉ báo kỹ thuật. Nhận định biến động của thị trường trong những ngày giao dịch tiếp theo.

**Bản tin tuần**

Tổng hợp diễn biến thị trường chứng khoán, bình luận về các thông tin và sự kiện ảnh hưởng đến thị trường trong tuần. Đưa ra các dự báo về biến động của thị trường và tác động của những sự kiện đối với thị trường trong tuần tiếp theo.

## **Báo cáo phân tích doanh nghiệp**

Cung cấp những phân tích chuyên sâu các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Phân tích cơ bản và kỹ thuật về lịch sử biến động giá, tình hình hoạt động, các chỉ số tài chính và kế hoạch hoạt động của các doanh nghiệp. Phân tích và đánh giá ngành nghề hoạt động kinh doanh, vị trí và khả năng cạnh tranh trong ngành của doanh nghiệp. Ước lượng giá trị và triển vọng, cũng như những yếu tố tác động đến giá cổ phiếu của doanh nghiệp trên thị trường.

## **Báo cáo phân tích ngành**

Cung cấp thông tin tổng quan về các ngành và nhóm ngành trong nước và quốc tế. Phân tích số liệu thống kê, chỉ số tài chính và tỷ lệ tăng trưởng bình quân của từng ngành cụ thể. Nghiên cứu những ngành mới, phân tích cơ hội đầu tư mà những ngành phát triển mang đến thông qua giao thương quốc tế.

## **Báo cáo phân tích thị trường**

Phân tích và nghiên cứu thông tin kinh tế, chính trị và các yếu tố tác động đến hoạt động thị trường chứng khoán trong nước và thế giới. Phân tích sâu hơn các yếu tố gây ảnh hưởng lớn đến thị trường ngắn hạn. Ước lượng quy mô và dự báo xu hướng phát triển từng ngành và thị trường chung. Trên cơ sở đó đưa ra khuyến nghị xây dựng chiến lược đầu tư, lựa chọn thời điểm và cơ cấu đầu tư thích hợp.

Và các báo cáo phân tích theo yêu cầu riêng của mỗi khách hàng.

## **Phòng công nghệ thông tin:**

Phòng công nghệ thông tin có chức năng vận hành hệ thống máy chủ, máy tính cá nhân, đường truyền kết nối giữa mạng giao dịch của công ty và mạng giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM, TTGDCK Hà Nội. Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống phần cứng và phần mềm sử dụng trong công ty. Thực hiện chuyển giao công nghệ hệ thống máy móc thiết bị và các phần mềm mới.

### **Phòng Ngân quỹ:**

Thực hiện nghiệp vụ thu, chi tiền cho nhà đầu tư. Theo dõi lượng tiền tồn quỹ, lưu lượng tiền giao dịch của khách hàng và báo cho Bộ phận kế toán về nhu cầu tồn quỹ. Ghi sổ quỹ, bảo quản sổ tiền trong quỹ cũng như chịu trách nhiệm về tính có thật của số tiền tồn quỹ.

## **2.2. Thực trạng tổ chức hạch toán kế toán trong các công ty chứng khoán ở Việt Nam hiện nay**

Thực hiện khảo sát công tác kế toán tại Công ty chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam và Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn. Nghiên cứu công tác kế toán bốn nghiệp vụ kinh doanh: môi giới, tư vấn, tự doanh, lưu ký trên các phương diện: tổ chức bộ máy kế toán, tổ chức hệ thống chứng từ, tổ chức hệ thống tài khoản, tổ chức hệ thống sổ và báo cáo kế toán. Tôi hiểu được tổng quan về tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp chứng khoán Việt Nam.

### 2.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Hiện nay, khi chưa thực hiện chuyển trách nhiệm nắm giữ tiền gửi của nhà đầu tư sang ngân hàng, bộ máy kế toán trong công ty chứng khoán ở Việt Nam phải chia thành 2 bộ phận:

- Kế toán khách hàng
- Kế toán nội bộ

Mỗi kế toán viên được trang bị một máy tính cá nhân, phần cứng hiện đại đảm bảo máy chạy ổn định.

Phần mềm trong các công ty chứng khoán hiện tại cũng được tách thành hai kênh song song: phần mềm giao dịch và phần mềm nội bộ. Phần mềm giao dịch được dùng kết hợp cho bộ phận môi giới và bộ phận kế toán giao dịch.

Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Sơ đồ 2.4: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

#### - Kế toán trưởng:

Tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam và Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm về nghiệp vụ chuyên môn kế toán tài chính của công ty. Thay mặt nhà nước kiểm tra việc thực hiện chế độ, thể lệ, quy định về lĩnh vực kế toán cũng như tài chính.

Tổ chức bộ máy kế toán trên cơ sở khối lượng công tác kế toán nhằm thực hiện hai chức năng cơ bản của kế toán là thông tin và kiểm tra hoạt động kinh doanh.

Quyền hạn của kế toán trưởng gắn liền với trách nhiệm được giao vì lợi ích của công ty và lợi ích của nhà nước.

**- Kế toán phụ trách giao dịch:**

Tương tự như quyền và trách nhiệm của kế toán trưởng, kế toán phụ trách giao dịch tại hai công ty đều là người chịu trách nhiệm về tính chính xác của số dư tiền gửi để giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư theo dõi trên phần mềm giao dịch.

Chịu trách nhiệm về tính chuẩn xác trong giao dịch rút tiền của nhà đầu tư theo hạn mức.

Thay kế toán trưởng giải quyết các vướng mắc của khách hàng liên quan đến số liệu kế toán.

**- Kế toán tổng hợp:**

**Tại Công ty chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam**

Kế toán tổng hợp có nhiệm vụ thực hiện công tác kế toán cuối kỳ: thực hiện các bút toán dự phòng, kết chuyển, phân bổ chi phí và khoá sổ kế toán. Lập báo cáo tài chính định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất.

Kế toán tổng hợp còn kiêm nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định. Thực hiện phân bổ khấu hao và theo dõi nguồn vốn khấu hao của công ty. Bởi, loại tài sản cố định của các doanh nghiệp kinh doanh chứng khoán thường không nhiều nhưng thường xuyên phải mua sắm các tài sản có giá trị lớn.

Ngoài ra, kế toán tổng hợp còn kiêm luôn nhiệm vụ của kế toán thuế. Theo TT 100/2004/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, công việc kế toán thuế trong công ty chứng khoán gồm: kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, theo dõi tình hình sử dụng hoá đơn giá trị gia tăng.

### **Tại Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn**

Khác với kế toán tổng hợp tại Công ty chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam, kế toán tổng hợp tại Công ty chứng khoán Sài Gòn chỉ thực hiện các bút toán cuối kỳ, lập báo cáo tài chính định kỳ hoặc đột xuất phục vụ yêu cầu quản lý trong và ngoài công ty.

#### **- Giao dịch viên:**

Tại hai công ty, kế toán giao dịch thực hiện các nghiệp vụ nộp tiền, rút tiền, chuyển khoản tiền giữa các tài khoản trong công ty và ra ngoài công ty khi có yêu cầu của nhà đầu tư trên cơ sở phê duyệt của kế toán phụ trách giao dịch.

Tại công ty chứng khoán ngân hàng công thương công việc giao dịch khách hàng do hai kế toán viên đảm nhiệm, còn tại công ty chứng khoán Sài Gòn có 5 kế toán viên đảm nhiệm

### **Phân công lao động kế toán thực hiện công tác kế toán nội bộ tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam:**

#### **Kế toán hoạt động lưu ký và môi giới:**

**Kế toán lưu ký** theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn chứng khoán của công ty và của nhà đầu tư. Hạch toán các nghiệp vụ nhập chứng khoán, xuất chứng khoán, nhận chuyển khoản chứng khoán đến, chuyển khoản chứng khoán đi. Lập báo cáo nhập - xuất - tồn chứng khoán theo dõi tại công ty. Đối chiếu với báo cáo nhập - xuất - tồn chứng khoán của Trung tâm lưu lý chứng khoán.

Hạch toán các món nhận cổ tức bằng cổ phiếu của nhà đầu tư. Thay nhà đầu tư thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Theo dõi và hạch toán doanh thu lưu ký theo Hợp đồng lưu ký.

Công tác kế toán lưu ký hiện nay do năm kế toán viên đảm nhiệm chịu sự quản lý trực tiếp của trưởng nhóm là kế toán phụ trách lưu ký.



**Kế toán môi giới** theo dõi doanh thu phí môi giới mua, bán chứng khoán. Theo dõi phí giao dịch, phí lưu ký phải thanh toán cho Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh, TTGD CK Hà Nội và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Một công việc quan trọng của kế toán môi giới là theo dõi thanh toán bù trừ với ngân hàng chỉ định thanh toán và đại lý. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số dư tiền gửi để giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại ngân hàng.

**Kế toán hoạt động tư vấn tài chính và tự doanh:**

Có thể nói, kế toán hoạt động tư vấn và tự doanh là công việc khá phức tạp và đòi hỏi tính chuyên môn cao. Tại công ty chứng khoán Ngân hàng công thương, phần việc này do một kế toán viên đảm nhiệm.

**Kế toán hoạt động tư vấn tài chính** thực hiện tập hợp chi phí tư vấn, theo dõi tiến độ thanh toán của từng hợp đồng tư vấn; xuất hoá đơn tài chính khi hợp đồng tư vấn hoàn tất trên cơ sở yêu cầu xuất hoá đơn của phòng tư vấn tài chính.

Căn cứ vào Hợp đồng tư vấn, Biên bản thanh lý hợp đồng, Hoá đơn giá trị gia tăng hạch toán doanh thu tư vấn tài chính.

**Kế toán hoạt động tự doanh** theo dõi giá vốn, giá bán các loại cổ phiếu trong danh mục đầu tư của bộ phận tự doanh. Hạch toán các món lãi, lỗ trong kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu của bộ phận tự doanh.

Công việc quan trọng của kế toán hoạt động tự doanh là theo dõi sự lưu chuyển các luồng tiền trong thanh toán repo. Với số vốn điều lệ 500 tỷ đồng do Ngân hàng Công thương cấp, hoạt động kinh doanh trái phiếu tại công ty chứng khoán NH công thương diễn ra khá sôi động với các đối tác mạnh như: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển, Ngân hàng Quân đội, Ngân hàng Hàng Hải.

**Kế toán chi tiêu nội bộ:**

Tìm hiểu giá cả thị trường và tham mưu trong công tác định giá hàng hoá, dịch vụ cho hội đồng mua sắm tài sản của công ty. Chịu trách nhiệm về giá trong các hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ sử dụng trong hoạt động quản lý kinh doanh.

Thực hiện thanh toán các dịch vụ, hàng hoá sử dụng trong hoạt động quản lý kinh doanh của công ty theo từng Hợp đồng mua bán. Hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.

Giúp việc cho kế toán tổng hợp trong việc lập Báo cáo thuế, Báo cáo tài chính.

**Thủ quỹ:**

Nhập, xuất quỹ tiền mặt theo lệnh của thủ trưởng thông qua phiếu thu, phiếu chi, ghi sổ quỹ các hoạt động thu chi trong ngày. Bảo quản số tiền trong quỹ cũng như chịu trách nhiệm về tính có thật của số tiền tồn quỹ.

**Phân công lao động kế toán thực hiện công tác kế toán nội bộ tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn:**

Tại Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn, công tác lưu ký được tách biệt với công tác kế toán và được tổ chức thành bộ phận riêng do Trưởng phòng lưu ký phụ trách.

Bộ máy kế toán tài chính gồm 9 kế toán viên, nhiều gần gấp đôi số cán bộ kế toán tại Công ty chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam. Mỗi kế toán viên có thể làm tất cả các nghiệp vụ; các kế toán viên luôn luôn hỗ trợ, thay thế nhau giải quyết công việc khi có người nghỉ đột xuất hoặc làm các công việc mang tính thời điểm do kế toán trưởng phân công.

## **2.2.2. Thực trạng tổ chức công tác hạch toán kế toán theo qui trình hạch toán**

### **2.2.2.1. Phần mềm kế toán**

Khác với doanh nghiệp kinh doanh nghiệp thương mại, dịch vụ hay xây lắp, phần mềm sử dụng trong công ty chứng khoán được thiết kế mang nhiều tính đặc thù, xử lý kết hợp số liệu kế toán giao dịch và số liệu kế toán tài chính, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán trong môi trường thông tin tài chính tốc độ của thị trường chứng khoán.

Hiện nay, phần mềm dùng trong công ty chứng khoán được đánh giá là một trong những phần mềm phức tạp, được thuê viết riêng hoặc đặt mua ở nước ngoài.

Phần mềm dùng tại Công ty chứng khoán Ngân hàng Công thương là Ibroker (phần mềm giao dịch) và Infinance (phần mềm nội bộ).

Phần mềm nội bộ và phần mềm giao dịch được kết nối với nhau theo những tiêu chí giao dịch nhất định. Toàn bộ số liệu về tiền gửi của khách hàng được tổng hợp trên các tài khoản tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và được nhận sang phần mềm kế toán nội bộ.

Nhờ đó, kế toán dễ dàng đối chiếu được số dư tiền gửi theo dõi tại phần mềm kế toán khách hàng với số dư tiền gửi trên các tài khoản khách hàng gửi tại ngân hàng, theo dõi số phát sinh trong quá trình thanh toán bù trừ tại ngân hàng chỉ định thanh toán.

Toàn bộ số liệu về chứng khoán được tổng hợp trên các tài khoản ngoại bảng theo dõi chứng khoán giao dịch của nhà đầu tư và được nhập sang phần mềm kế toán nội bộ.

Kế toán có thể đối chiếu số dư chứng khoán theo dõi trên phần mềm giao dịch với số dư chứng khoán trên phần mềm kế toán nội bộ và số dư chứng khoán do trung tâm lưu ký chứng khoán quản lý.

Bộ phận kế toán giao dịch và môi giới dùng chung một phần mềm. Như thế, trước khi thực hiện một lệnh bán hoặc mua chứng khoán cho khách hàng, nhân viên môi giới dễ dàng kiểm tra được tài khoản của khách hàng có đủ chứng khoán để bán hay không hoặc có đủ tiền để thực hiện lệnh mua đó hay không.

Phần mềm kế toán nội bộ được thiết kế để phản ánh các khoản chi tiêu nội bộ, thanh toán bù trừ với ngân hàng chỉ định thanh toán. Hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế lên các sổ kế toán và báo cáo kế toán.

## **Phần mềm dùng tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn**

### **2.2.2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán theo phần mềm kế toán**

#### **Tổ chức hệ thống chứng từ**

Hàng ngày kế toán viên tập hợp chứng từ. Phân loại và sắp xếp chứng từ theo từng loại nghiệp vụ: tư vấn, môi giới, lưu ký, tự doanh, thanh toán chi tiêu nội bộ. Sau đó tiến hành kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của chứng từ. Nắm bắt nội dung của chứng từ và thực hiện luân chuyển chứng từ.

Danh mục chứng từ sử dụng tại một số công ty chứng khoán Việt Nam:

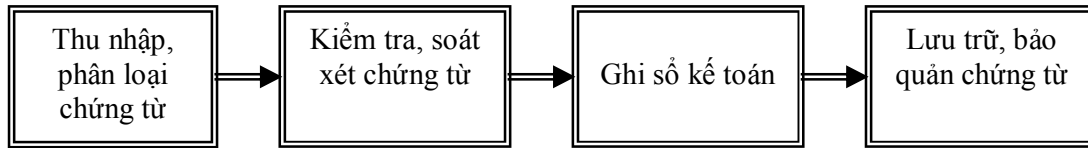
Bảng 2: Danh mục chứng từ sử dụng

Chứng từ	CT CK NH Công thương VN	CT CP CK Sài Gòn
<b>I. Chứng từ sử dụng trong giao dịch</b>		
1. Phiếu lệnh mua chứng khoán	X	X
2. Phiếu lệnh bán chứng khoán	X	X
3. Phiếu lệnh huỷ	X	X
4. Phiếu thu	X	X
5. Phiếu chi	X	X
<b>II. Chứng từ nội bộ</b>		
1. Vốn bằng tiền		
1.1. Tiền mặt		
- Phiếu thu	X	X
- Phiếu chi	X	X
1.2. Chứng từ ngân hàng		
- Ủy nhiệm chi	X	X
- Séc	X	X
1.3. Loại khác		
- Giấy đề nghị tạm ứng	X	X
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng	X	X
- Giấy đi đường	X	X
2. Hóa đơn		
Hoá đơn giá trị gia tăng	X	X
Hoá đơn khấu trừ thuế thu nhập	X	
3. Lao động tiền lương		
- Bảng chấm công	X	X
- Bảng tính lương	X	X

4. Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán		
- Báo cáo thanh toán bù trừ	X	X
- Giấy báo Nợ	X	X
- Giấy báo Có	X	X
5. Hàng tồn kho		
- Phiếu nhập chứng khoán	X	X
- Phiếu xuất chứng khoán	X	X
- Phiếu chuyển khoản	X	X
-		
6. Tài sản cố định		
- Kế hoạch mua đã được duyệt	X	
- Dự toán đã được duyệt	X	X
- Hồ sơ thầu	X	X
- Hợp đồng kinh tế	X	X
- Thanh lý hợp đồng	X	X
- Biên bản bàn giao và nghiệp vụ	X	X
- Hoá đơn	X	X
- Bảng tính khấu hao	X	X
- Bảng phân bổ khấu hao		X

Hệ thống chứng từ được luân chuyển theo quy trình:

Sơ đồ 2.5: Trình tự luân chuyển chứng từ



Các loại chứng từ đều được lập trên giấy, riêng chứng từ hàng tồn kho (Phiếu nhập chứng khoán, xuất chứng khoán, chuyển khoản chứng khoán) được lập dưới dạng chứng từ điện tử và lưu trong phần mềm máy vi tính. Bởi các bút toán hạch toán nhập, xuất, chuyển khoản chứng khoán diễn ra với tần xuất lớn.

Công tác lưu trữ chứng từ được thực hiện theo ngày, chứng từ giao dịch được đóng thành quyển độc lập với chứng từ kế toán nội bộ.

#### **Quy trình lập và luân chuyển chứng từ đặc thù: Phiếu lệnh, Chứng từ thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

**Phiếu lệnh** gồm: Phiếu lệnh mua, Phiếu lệnh bán, Phiếu lệnh huỷ của nhà đầu tư. Mọi yêu cầu của nhà đầu tư đều được thể hiện trên phiếu lệnh thông qua nội dung về: loại chứng khoán muốn mua, mức giá, khối lượng.

Nhận được Phiếu lệnh của nhà đầu tư, nhân viên nhập lệnh sẽ nhập các yêu cầu của nhà đầu tư vào phần mềm máy tính. Ghi giờ giao dịch trên phiếu lệnh đánh dấu thời điểm đặt lệnh (T) của khách hàng, sau đó ký tên trên Phiếu lệnh.

**Chứng từ thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán** gồm: Báo cáo thanh toán bù trừ tiền, Báo cáo thanh toán bù trừ chứng khoán; Báo Nợ, Báo Có của ngân hàng chỉ định thanh toán.

Đến thời điểm thanh toán giao dịch chứng khoán (T+3), kế toán tiến hành:

- Tổng hợp số tiền nhà đầu tư phải trả, được nhận. Bù trừ ra số tiền phải trả hoặc được nhận mà công ty chứng khoán đứng ra thanh toán hoặc hộ nhà

đầu tư tại ngân hàng chỉ định thanh toán. Lập Báo cáo thanh toán bù trừ tiền giao dịch chứng khoán. Đối chiếu với số tiền ngân hàng chỉ định thanh toán ghi Nợ hoặc Có trên tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư;

- Tương tự như Báo cáo thanh toán bù trừ tiền giao dịch chứng khoán, kế toán tiến hành tổng hợp số chứng khoán nhà đầu tư bán hoặc mua theo từng loại và lập Báo cáo thanh toán bù trừ chứng khoán. Đối chiếu với số chứng khoán trung tâm lưu ký ghi Nợ hoặc ghi Có cho công ty chứng khoán trên tài khoản chứng khoán giao dịch của nhà đầu tư.

- Trình Báo cáo thanh toán bù trừ tiền, Báo cáo thanh toán bù trừ chứng khoán lên kế toán trưởng ký duyệt.

### **Tổ chức hệ thống tài khoản**

Để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và làm cơ sở lập Báo cáo tài chính. Hệ thống tài khoản của công ty chứng khoán thực tế chia làm 3 phân hệ:

**Phân hệ 1: Tài khoản giao dịch của nhà đầu tư.** Hệ thống tài khoản này do công ty chứng khoán mở cho từng nhà đầu tư để giao dịch tiền và giao dịch chứng khoán.

Tài khoản giao dịch cá nhân gồm 10 ký tự. Trong đó:

- Ba ký tự đầu là thứ tự giao dịch của công ty chứng khoán tại Sở GDCK TP.Hồ Chí Minh và TTGDCK Hà Nội.

- Ký tự thứ tư là “C” hoặc “P”. “C” là mã tài khoản giao dịch cá nhân. “P” là mã tài khoản giao dịch tự doanh của công ty chứng khoán.

- Sáu ký tự tiếp theo là sáu số tự nhiên được sắp xếp ngẫu nhiên theo thứ tự nhà đầu tư đến mở tài khoản giao dịch giao dịch tại công ty chứng khoán.

Ví dụ: Tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công thương và Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn:

- Tài khoản giao dịch của nhà đầu tư tại Công ty chứng khoán Ngân hàng Công thương: 007Cabcdđe



Trong đó:

007 là thứ tự thành viên giao dịch của Công ty chứng khoán Ngân hàng Công thương tại Sở GDCK TP.Hồ Chí Minh và TTGDCK Hà Nội

C: là mã tài khoản giao dịch cá nhân

abcdde: là 6 số tự nhiên được sắp xếp theo thứ tự nhà đầu tư đến mở tài khoản giao dịch tại công ty

- Tài khoản giao dịch của nhà đầu tư tại Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn 003Cfghikl

Trong đó:

003 là thứ tự thành viên giao dịch của Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn tại Sở GDCK TP.Hồ Chí Minh và TTGDCK Hà Nội

C là mã tài khoản giao dịch cá nhân

fghikl là 6 số tự nhiên được sắp xếp theo thứ tự nhà đầu tư đến mở tài khoản giao dịch tại Công ty.

**Phân hệ 2:** Hệ thống tài khoản theo dõi số liệu nội bảng

Là hệ thống tài khoản theo dõi sự biến động của tài sản, nguồn vốn; tập hợp doanh thu, chi phí và hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh toàn công ty.

**Phân hệ 3:** Hệ thống tài khoản theo dõi số liệu ngoại bảng

Toàn bộ tình hình biến động tăng, giảm chứng khoán được phản ánh trên hệ thống tài khoản theo dõi ngoại bảng. Hệ thống tài khoản này được phân biệt rõ ràng giữa tài khoản theo dõi chứng khoán của NĐT với của công ty. Trên cơ sở đó, đơn vị mở chi tiết cho từng loại chứng khoán giao dịch.

Thông qua quá trình tìm hiểu ba phân hệ tài khoản tại Công ty chứng khoán Ngân hàng Công thương và Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn thấy: Trên cơ sở hệ thống tài khoản theo dõi nội bảng và ngoại bảng ban hành tại Quyết định 99/2000/QĐ-BTC, đơn vị đã chi tiết hai hệ thống tài khoản này theo yêu cầu quản lý riêng của từng đơn vị.

Trong hệ thống này, **tài khoản 353 - Thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư** được coi là tài khoản đặc thù của ngành kinh doanh hoạt động môi giới. Các công ty chứng khoán chi tiết tài khoản này thành:

TK 3531 - Tiền gửi của NĐT gửi tại công ty để TTGD chứng khoán

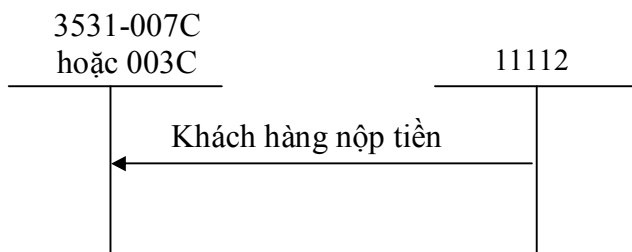
TK 3532 - Tiền gửi của NĐT gửi tại công ty chờ TTGD chứng khoán

Để kết nối giữa hệ thống số liệu giao dịch và hệ thống số liệu nội bộ, tài khoản sử dụng trong giao dịch (TK 353) sẽ tích hợp với tài khoản giao dịch cá nhân của NĐT.

Mỗi loại giao dịch được mã hoá bởi một tiêu chí. Các bút toán trong từng tiêu chí lần lượt được theo dõi tham chiếu theo thứ tự số đếm tăng dần. Sau đó toàn bộ số liệu giao dịch nhận sang hệ thống nội bộ được ghi trên tài khoản đặc thù TK 353.

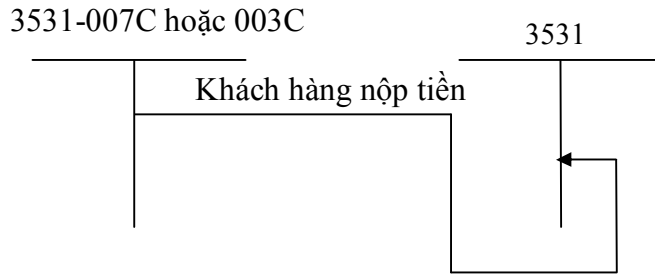
Nghiệp vụ nộp tiền tại Công ty chứng khoán Ngân hàng Công thương và Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn được thực hiện:

Khi nhà đầu tư nộp tiền, kế toán giao dịch lập Phiếu thu và lựa chọn tiêu chí giao dịch "nộp tiền".



Sơ đồ 2.6: Quy trình nộp tiền giao dịch chứng khoán

Cuối ngày giao dịch, điện toán thực hiện điều khiển toàn bộ các bút toán trong cùng tiêu chí "nộp tiền" vào một bảng kê hạch toán nghiệp vụ nộp tiền và chuyển số liệu sang phần mềm kế toán nội bộ



Sơ đồ 2.7: Quy trình chuyển đổi số liệu nộp tiền từ phần mềm giao dịch sang phần mềm nội bộ

Bút toán này có mã bút toán là PZT000001 và số tham chiếu là x  
 PZT00001 là mã nghiệp vụ nộp tiền  
 X là số thứ tự nộp tiền của nhà đầu tư trong ngày giao dịch.

Để theo dõi chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước, các công ty chi tiết Tài khoản **01212 - Chứng khoán giao dịch của người đầu tư thành viên trong nước** theo từng loại chứng khoán giao dịch.

Tại công ty chứng khoán Ngân hàng Công thương và Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn: giao dịch mua, bán chứng khoán của NĐT được phản ánh trên tài khoản 01212 như sau: Tài khoản 01212 - chi tiết từng loại chứng khoán sẽ được tích hợp với tài khoản giao dịch cá nhân 007Cabcdđe hoặc 003Cfghikl theo những tiêu chí hạch toán nhất định: tiêu chí khách hàng mua, tiêu chí khách hàng bán, tiêu chí chuyển khoản chứng khoán đi, tiêu chí nhận chuyển khoản chứng khoán đến.

Các bút toán phản ánh tình hình biến động tăng, giảm chứng khoán của NĐT được ghi đơn trên tài khoản 01212.xyz-007Cabcdđe, 01212.lnm-003Cfghikl theo những tiêu chí nhất định và lần lượt được theo dõi tham chiếu theo thứ tự số đếm tăng dần. Khi chuyển hệ thống số liệu này sang phần mềm nội bộ, các nghiệp vụ trên được ghi đơn Nợ hoặc Có trên TK 01212.



Bảng 3: Danh mục sổ kế toán chi tiết

Số chi tiết tài khoản	CT CK NH Công thương VN	CT CP CK Sài gòn
1111 (Tiền mặt tại quỹ của Công ty)	X	X
1112 (Tiền mặt tại quỹ của nhà đầu tư)	X	X
112-Tiền gửi tại NH Đầu tư và Phát triển (Hội sở)	X	x
114-Tiền gửi của nhà đầu tư tại NH Đầu tư và Phát triển (Hội sở)	X	X
114- Tiền gửi của nhà đầu tư tại các chi nhánh NH Đầu tư và Phát triển VN (Chi tiết từng chi nhánh)	X	X
114- Tiền gửi của nhà đầu tư tại NH Công thương VN	X	
114- Tiền gửi của nhà đầu tư tại các chi nhánh NH Công thương VN (chi tiết từng chi nhánh)	X	
114- Tiền		
114- Tiền gửi của nhà đầu tư tại NH Sacombank		X
1181- Tiền gửi giao dịch chứng khoán của công ty tại NH Đầu tư và Phát triển CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa	X	X
1182- Tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại NH Đầu tư và Phát triển CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa	X	X
131- Phải thu của khách hàng (Chi tiết từng đơn vị)	X	X

142- Chi phí trả trước hoạt động kinh doanh trái phiếu	X	X
331- Phải trả người bán (Chi tiết từng đơn vị)	X	X
337- Phải trả tổ chức phát hành (Chi tiết từng tổ chức)	X	X
3387- Doanh thu hoạt động kinh doanh trái phiếu	X	X

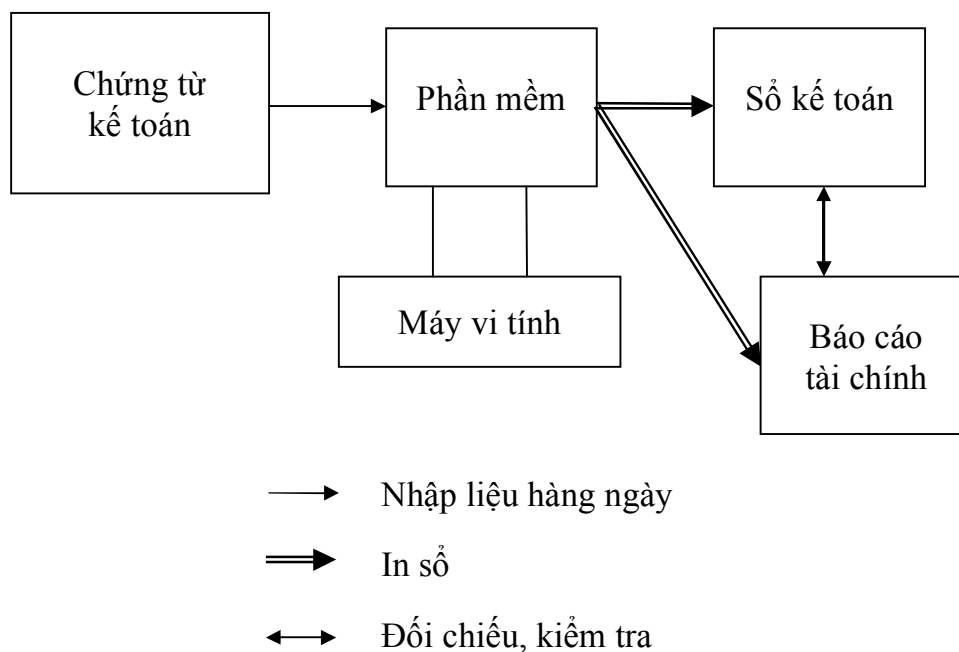
- Sổ tổng hợp được thiết kế dưới dạng: Bảng cân đối tài khoản chi tiết hoặc Bảng cân đối tài khoản tổng hợp.

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán đã được soát xét, kế toán xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có, nội dung bút toán để nhập dữ liệu vào máy tính theo các biểu nhập chứng từ đã được thiết kế sẵn. Các thông tin sau khi cập nhật sẽ theo quy trình của phần mềm tự động được ghi vào Sổ chi tiết tài khoản, Sổ cái và Bảng cân đối tài khoản.

Tại bất kỳ thời điểm nào theo yêu cầu của quản lý, kế toán có thể đối chiếu số dư trên Sổ chi tiết tài khoản, Sổ cái tài khoản với bảng cân đối tài khoản để lập báo cáo tài chính.

Cuối tháng, năm sổ chi tiết tài khoản được in ra, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định như sổ kế toán ghi tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính trình bày theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

### **Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính**

#### **Hệ thống báo cáo tài chính**

Hệ thống báo cáo tài chính dùng trong các công ty chứng khoán gồm:

<b>Loại báo cáo</b>	<b>Mẫu số</b>
Bảng cân đối kế toán	B01-CTCK
Báo cáo kết quả kinh doanh	B02-CTCK
Thuyết minh BCTC	B09-CTCK
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	B03-CTCK

Bộ báo cáo tài chính quý, năm được gửi tới UBCKNN, Sở GDCK TP.Hồ Chí Minh, Trung tâm GDCK Hà Nội, Trung tâm lưu ký theo thời hạn do UBCKNN quy định; Cơ quan thuế, Cơ quan thống kê do Bộ Tài chính quy định và các cơ quan chủ quản (nếu có).

Qua khảo sát thấy các doanh nghiệp đã chấp hành đúng quy định về mẫu, nội dung, phương pháp tính toán, trình bày, thời gian lập và nộp báo cáo tài chính theo đúng chế độ và pháp luật hiện hành.

Các doanh nghiệp kinh doanh chứng khoán đều sử dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính nên biểu mẫu hệ thống báo cáo tài chính đã được thiết kế sẵn trên phần mềm và được cập nhật, sửa đổi theo sự thay đổi của Chế độ kế toán.

### **b) Hệ thống báo cáo quản trị**

Tại Công ty chứng khoán NH Công thương Việt Nam và Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn, báo cáo quản trị do kế toán trưởng lập khi có yêu cầu của nhà quản lý.

Báo cáo quản trị chưa được tổ chức thành hệ thống và chưa được lập định kỳ chủ yếu là lập ra phục vụ yêu cầu tức thời của kế toán trưởng và ban giám đốc.

### **2.2.3. Thực trạng tổ chức công tác kế toán hoạt động kinh doanh tại công ty chứng khoán**

#### **2.2.3.1. Kế toán nghiệp vụ môi giới:**

**Khi khách hàng mua chứng khoán:** Tại ngày mua T, khi lệnh mua chứng khoán của khách hàng được khớp, cùng với bút toán phong tỏa tiền mua là bút toán phản ánh phí môi giới mua chứng khoán.

**Khi khách hàng bán chứng khoán:** Tại ngày thanh toán T+3, khi ngân hàng chỉ định thanh toán ghi Có cho tài khoản giao dịch môi giới của công ty, tiền bán được ghi Có cho tài khoản giao dịch cá nhân, kế toán tiến hành ghi doanh thu môi giới bán chứng khoán.

Công việc quan trọng của kế toán môi giới là thanh toán bù trừ tiền với ngân hàng chỉ định thanh toán. Hàng ngày, kế toán thanh toán bù trừ đối chiếu



tiền gửi của nhà đầu tư trên phần mềm kế toán nội bộ với tiền gửi của nhà đầu tư theo dõi trên phần mềm giao dịch, đảm bảo số liệu về tiền gửi của nhà đầu tư giữa hai phần mềm khớp đúng, không có sự bỏ sót số liệu.

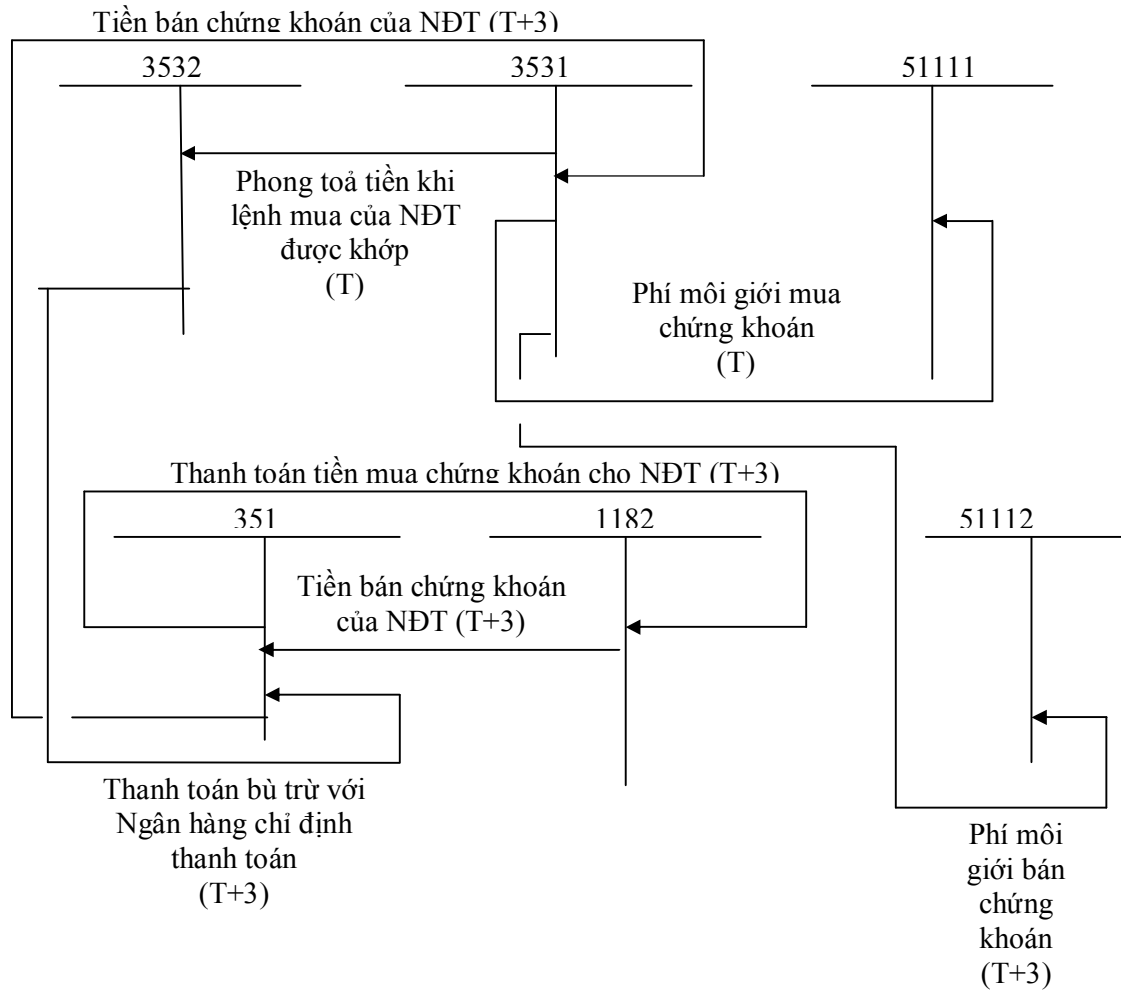
Đối chiếu số tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư bị phong tỏa tại thời điểm T với tổng giá trị giao dịch mua được khớp lệnh tại ngày T theo dõi tại bộ phận môi giới.

Tổng hợp tổng giá trị giao dịch bán được khớp lệnh của nhà đầu tư tại ngày T.

Bù trừ giữa số được nhận với số phải ra tổng số tiền phải trả hoặc được nhận từ ngân hàng chỉ định thanh toán và lập Báo cáo thanh toán bù trừ tiền của hoạt động môi giới.

Đến ngày thanh toán T+3, kế toán đối chiếu Báo cáo bù trừ và thanh toán tiền của công ty với số tiền bị ghi Nợ hoặc Có trên tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán của NĐT tại ngân hàng chỉ định thanh toán.

Toàn bộ quy trình hạch toán tiền mua, phí mua, phí bán, thanh toán bù trừ với ngân hàng chỉ định được khái quát bằng sơ đồ sau:

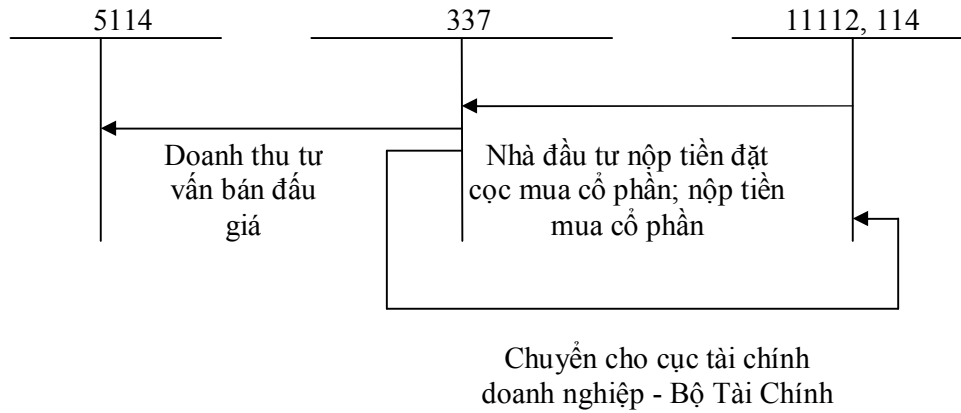


Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán hoạt động mua, bán chứng khoán của nhà đầu tư

### 2.2.3.2. Kế toán nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp:

Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp trong tiến trình cổ phần hoá được đặc trưng bởi nghiệp vụ tư vấn phát hành. Trong các công ty chứng khoán nghiệp vụ này được triển khai dưới hình thức: tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp và tổ chức bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài. Để phản ánh hoạt động này kế toán sử dụng tài khoản 337 - Phải trả tổ chức phát hành. Tại Công ty chứng khoán NH Công thương và Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn, tài khoản này được chi tiết cho từng tổ chức.

Quy trình hạch toán nghiệp vụ tư vấn bán đấu giá cổ phần được khái quát bằng sơ đồ sau:



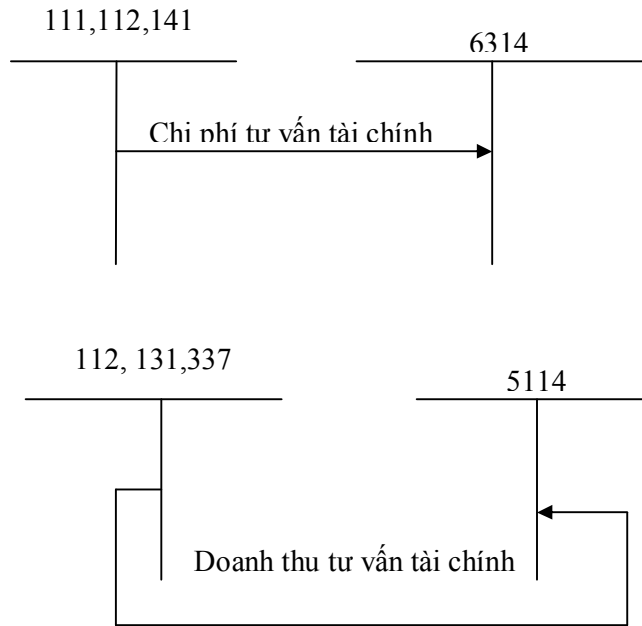
#### Sơ đồ 2.11: Quy trình hạch toán hoạt động tư vấn bán đấu giá cổ phần

Hiện nay, toàn bộ doanh thu, chi phí của hoạt động tư vấn tài chính được theo dõi trên tài khoản 5114 - Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, và 6314 - Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán.

Toàn bộ chi phí phục vụ hoạt động tư vấn tài chính của cán bộ trong công ty: công tác phí, in ấn, chi phí tổ chức các buổi giới thiệu doanh nghiệp, đấu giá, đăng báo,... được kế toán tập hợp trên tài khoản 6314 - Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán.

Khi hoạt động tư vấn kết thúc, căn cứ vào hợp đồng tư vấn, biên bản thanh lý hợp đồng, phụ lục hợp đồng (nếu có) và hoá đơn GTGT, kế toán tiến hành ghi doanh thu hoạt động tư vấn trên tài khoản 5114 - Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán.

Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí tư vấn tài chính doanh nghiệp được khái quát bằng sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.12: Quy trình hạch toán nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp

### 2.2.3.3. Kế toán nghiệp vụ tự doanh

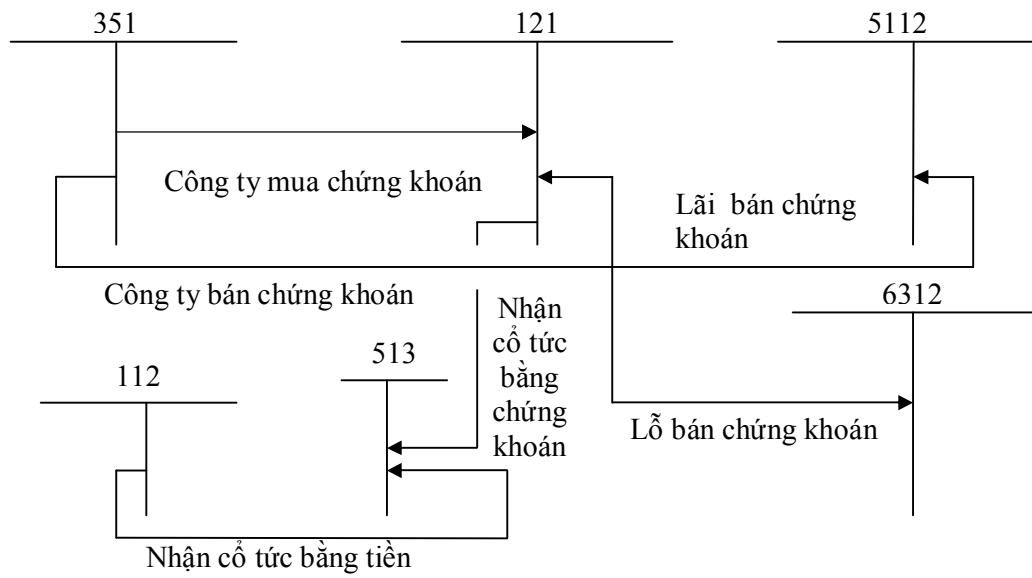
Căn cứ vào Kết quả giao dịch của bộ phận tự doanh, Báo cáo thanh toán bù trừ của hoạt động tự doanh.

- Bộ phận tự doanh mua chứng khoán: kế toán tiến hành ghi tăng giá trị cổ phiếu tự doanh.

- Bộ phận tự doanh bán chứng khoán: Kế toán tiến hành lập bảng tính toán giá vốn của chứng khoán bán; giá bán; tính ra lãi, lỗ từng loại chứng khoán tự doanh và hạch toán lãi hoặc lỗ hoạt động tự doanh.

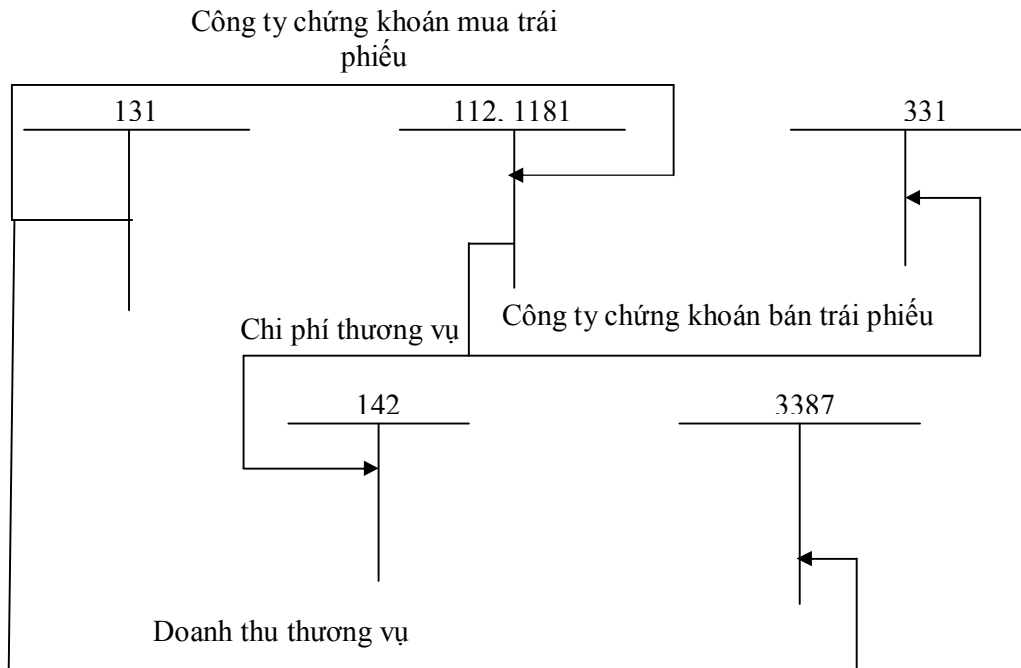
- Theo dõi số lượng, loại chứng khoán công ty nắm giữ và ngày chốt quyền nhận cổ tức; theo dõi tiền cổ tức trên tài khoản ngân hàng và hạch toán lãi đầu tư.

Quy trình hạch toán nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được khái quát bằng sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.13: Quy trình hạch toán hoạt động tự doanh

Một hoạt động khá sôi động giữa ngân hàng, công ty chứng khoán với công ty chứng khoán là cho vay cầm cố trái phiếu (repo trái phiếu). Kế toán hoạt động này được khái quát bằng sơ đồ sau:

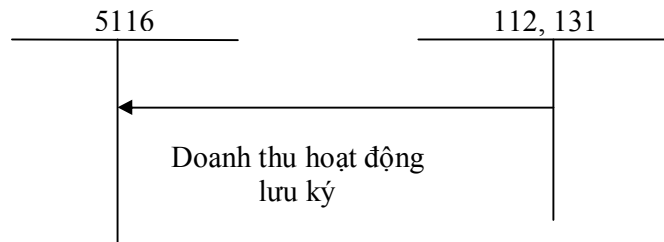


Sơ đồ 2.14: Quy trình hạch toán nghiệp vụ repo

#### 2.2.3.4. Kế toán nghiệp vụ lưu ký

Kế toán lưu ký là kế toán theo dõi chứng khoán về mặt số lượng. Để phản ánh tình hình biến động của chứng khoán về mặt số lượng kế toán tiến hành ghi đơn trên các tài khoản ngoại bảng.

Trong quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp, hoạt động lưu ký là hoạt động không thể thiếu để đưa các cổ phiếu từ giao dịch không sàn lên giao dịch trên sàn. Hợp đồng lưu ký kết thúc, kế toán tiến hành ghi doanh thu hoạt động lưu ký trên tài khoản 5116- Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư.



Sơ đồ 2.15: Quy trình hạch toán doanh thu lưu ký

### 2.2.3.5. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

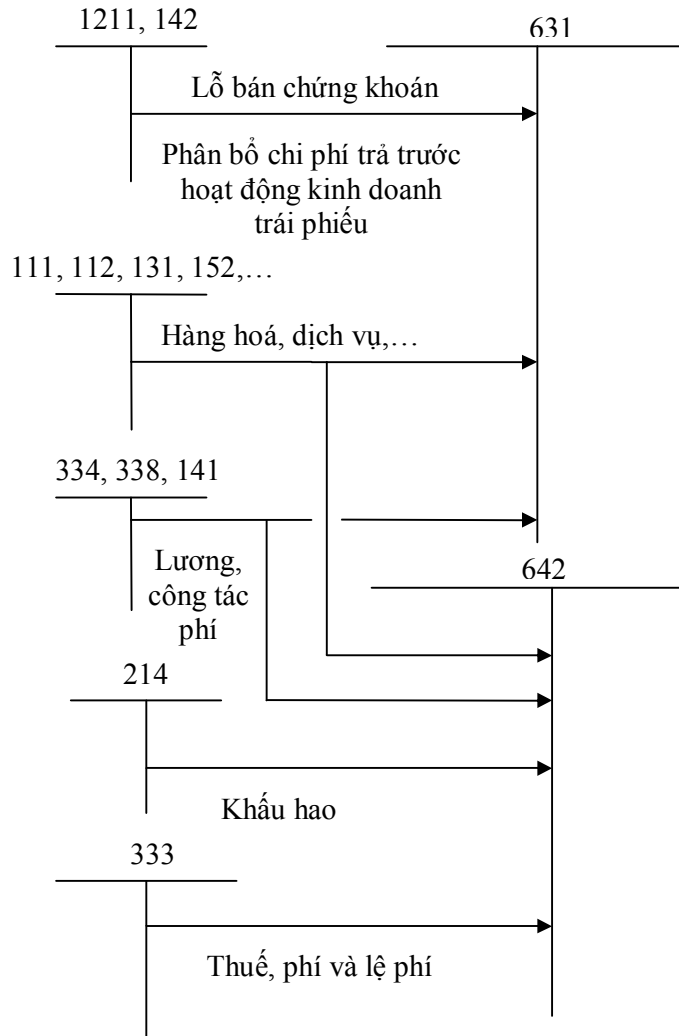
#### Tập hợp chi phí

Tại công ty chứng khoán ngân hàng công thương. Toàn bộ chi phí quản lý: Chi phí lương các khoản trích theo lương của bộ phận quản lý; chi phí khấu hao TSCĐ; hàng hoá, dịch vụ sử dụng trong quá trình quản lý; thuế, phí và lệ phí được tập hợp trên tài khoản 642 - chi phí quản lý doanh nghiệp.

Hiện nay, TSCĐ sử dụng tại Công ty Chứng khoán NH Công thương bao gồm: máy tính cá nhân, máy chủ, máy chiếu, máy photo, máy in, điều hoà. Số lượng TSCĐ lớn và rất khó phân bổ riêng cho từng hoạt động quản lý hoặc hoạt động kinh doanh. Do nhu cầu sử dụng tài sản khi xảy ra sự cố: máy hỏng, mất điện, đường truyền lỗi, nhu cầu giao dịch của nhà đầu tư, nên thường xuyên có sự điều chuyển tài sản từ bộ phận này sang bộ phận khác. Hơn nữa kinh phí đầu tư về TSCĐ có hạn do đó các công ty chưa thể đầu tư riêng tài sản cho từng bộ phận. Do vậy, toàn bộ chi phí khấu hao TSCĐ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí giao dịch chứng khoán, lưu ký chứng khoán, hàng hoá và dịch vụ sử dụng trong hoạt động kinh doanh, chi phí tư vấn tài chính,... được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh, tập hợp trên tài khoản 631.

Quy trình tập hợp chi phí tại Công ty chứng khoán NH Công thương Việt Nam được khái quát bằng sơ đồ sau:



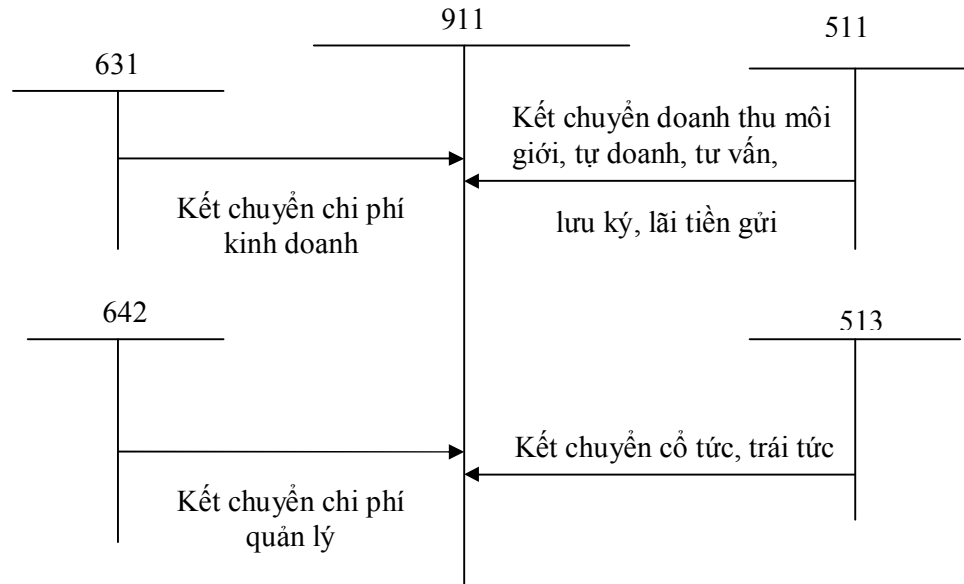
Sơ đồ 2.16: Quy trình tập hợp chi phí

Quy trình tập hợp chi phí tại Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn tương tự như Công ty chứng khoán NH Công thương Việt Nam, chỉ khác là khấu hao tài sản cố định, chi phí lương trả cho người lao động được hạch toán theo từng bộ phận do đó việc theo dõi chi phí được thực hiện chi tiết hơn Công ty chứng khoán NH Công thương Việt Nam.

### **Xác định kết quả kinh doanh**

Toàn bộ chi phí được kết chuyển từ tài khoản tập hợp chi phí 631, 642 sang bên Nợ TK 911 - Xác định kết quả hoạt động kinh doanh; toàn bộ doanh thu được kết chuyển từ tài khoản ghi nhận doanh thu sang bên Có TK 911. Dư Nợ hoặc dư Có tài khoản 911 phản ánh tình hình lãi, lỗ của doanh nghiệp.





Sơ đồ 2.17: Quy trình xác định kết quả hoạt động kinh doanh

### 2.3. Tổ chức kiểm tra kế toán và kiểm soát quản lý thông tin kế toán tại công ty chứng khoán Việt Nam

#### 2.3.1. Tổ chức công tác kiểm tra kế toán

Tại Công ty chứng khoán NH Công thương và Công ty chứng khoán Sài Gòn công tác kiểm tra kế toán được thực hiện hàng ngày do kế toán viên, kế toán phân hành và kế toán trưởng thực hiện; hoặc định kỳ 2 tháng một lần do bộ phận kiểm tra kiểm soát nội bộ thực hiện.

Hàng ngày, khi nhận được chứng từ gốc, kế toán viên kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của chứng từ gốc theo quy định của Bộ tài chính, UBCKNN và quy định của cơ quan cấp trên; xin ý kiến chỉ đạo của Kế toán phụ trách bộ phận, Kế toán trưởng khi có vướng mắc để kịp thời xử lý.

Trước khi duyệt các bút toán hạch toán của kế toán viên, kế toán phụ trách bộ phận kiểm tra lại chứng từ gốc; kiểm tra tính chính xác, hợp lý của tài khoản ghi Nợ và tài khoản ghi Có; kiểm tra tính hợp lý, chuẩn xác của nội dung bút toán do kế toán viên ghi.

Hàng ngày, khi toàn bộ các bút toán đã được kế toán phụ trách bộ phận ký và duyệt, kế toán viên tiến hành kiểm tra lại sổ chi tiết tài khoản. Kiểm tra tính chính xác trong quá trình chốt nhật sổ dư từ sổ chi tiết tài khoản sang bảng cân đối tài khoản.

Công tác kiểm tra kế toán định kỳ 2 tháng một lần do bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện. Cán bộ kiểm soát kiểm tra báo cáo tài chính, bảng cân đối tài khoản và tiến hành chọn mẫu chứng từ kế toán. Kiểm tra sự phản ánh tính đầy đủ từ chứng từ lên sổ kế toán, lên bảng cân đối tài khoản và lên báo cáo kế toán. Kiểm tra tính hợp pháp và hợp lệ của chứng từ kế toán.

### **2.3.2. Tổ chức kiểm soát quản lý thông tin kế toán tại công ty chứng khoán Việt Nam**

Có thể nói, công tác kiểm soát nội bộ ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong quá trình vận hành của các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động tài chính nói chung và các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chứng khoán nói riêng trong điều kiện thị trường biến đổi mạnh mẽ. Bởi công tác kiểm soát có vai trò kiểm tra việc thực hiện công việc của từng cá nhân, đảm bảo an toàn tài sản và thực hiện mục tiêu của đơn vị. Kiểm soát hệ thống thông tin kế toán đảm bảo tính trung thực, chính xác, đầy đủ của thông tin trên báo cáo tài chính.

Cán bộ kiểm soát căn cứ vào quy trình, quy chế hoạt động của công ty; quy định của Bộ tài chính, UBCKNN, cơ quan thuế, cơ quan cấp trên (nếu có) về thông tin kế toán,... Thực hiện chọn mẫu chứng từ kế toán để kiểm tra tính minh bạch, hợp lệ, hợp pháp của chứng từ, quy trình luân chuyển chứng từ. Từ đó kiểm tra công tác phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên sổ kế toán.

Kiểm tra sổ kế toán, nắm bắt tình hình biến động tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí; từ đó kiểm tra sự phản ánh thông tin kế toán trên báo cáo tài chính. Lập báo cáo kiểm soát về công tác kế toán và đề xuất ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán.

### **2.3.6. Tổ chức phân tích - xử lý - sử dụng thông tin kế toán trong quản lý công ty chứng khoán ở Việt Nam**

Tổ chức phân tích - xử lý thông tin kế toán nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty, đảm bảo quản lý chi phí hiệu quả. Đồng thời căn cứ vào số liệu quá khứ lập kế hoạch doanh thu, chi phí và dự đoán cơ hội kinh doanh trong những kỳ kế toán tiếp theo.

Quản lý chi phí phải đảm bảo doanh thu phù hợp với chi phí. Hạn chế định phí và tiết kiệm biến phí. Hiện nay, trong các công ty chứng khoán công tác này chủ yếu do kế toán trưởng đảm nhiệm. Căn cứ vào tình hình kinh doanh hiện tại, kết quả kinh doanh của kỳ kế toán quá khứ, phân tích điều kiện khách quan, chủ quan ảnh hưởng đến chi phí và doanh thu của công ty để đưa ra biện pháp tiết kiệm chi phí.

Trong điều kiện thị trường biến động không ngừng, việc quản lý rủi ro có ý nghĩa quan trọng trong quản lý doanh nghiệp tài chính, đặc biệt là trong các doanh nghiệp kinh doanh chứng khoán. Thông tin kế toán có ý nghĩa lớn lao trong việc quản lý rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, rủi ro công ty của doanh nghiệp.

Rủi ro thị trường là rủi ro nảy sinh do biến động về giá trên thị trường hàng hoá, chỉ số giá cổ phiếu, lãi trái phiếu và biến động tỷ giá ngoại tệ gây nên. Hiện nay, các công ty chứng khoán tính toán định lượng mức rủi ro thị trường như sau:

Mức rủi ro thị trường = Trạng thái của khoản mục bị rủi ro \* Mức độ biến động giá

Trạng thái của khoản mục bị rủi ro có thể gồm: các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh, ...

Các biến động về giá bao gồm: Giá cổ phiếu, tỷ giá, lãi suất, giá hàng hoá dịch vụ

Hiện nay, công tác quản lý rủi ro thị trường do Kế toán trưởng kết hợp với bộ phận kiểm soát, ban giám đốc thực hiện trên cơ sở sử dụng các công cụ đo lường rủi ro như: factor sensitivity (duration/VAR /Simulation...).

Rủi ro thanh khoản là rủi ro về khả năng thanh toán của công ty. Để kiểm soát rủi ro này, kế toán có trách nhiệm quản lý các nguồn tiền gửi kỳ hạn đến hạn của công ty đảm bảo khả năng thanh toán của công ty.

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh khi công ty thực hiện giao dịch đầu tư của nhà đầu tư; các khoản đầu tư của công ty; giao dịch kỳ hạn trái phiếu, cổ phiếu của công ty. Để hạn chế rủi ro tín dụng, cùng với việc theo dõi các luồng tiền giao dịch của công ty, kế toán có trách nhiệm kết hợp chặt chẽ với ngân hàng thanh toán, đối tác thanh toán trong quá trình thanh toán repo. Để quản lý rủi ro tín dụng trong giao dịch của nhà đầu tư kế toán trưởng kết hợp với kế toán phụ trách giao dịch và bộ phận môi giới đưa ra chính sách phân loại nhà đầu tư theo số dư tài khoản giao dịch và giá trị mỗi lần giao dịch đảm bảo hạn chế rủi ro khi giao dịch qua mạng internet, điện thoại.

Rủi ro công ty là rủi ro nảy sinh do bất kỳ yếu tố nào làm ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu hay hình ảnh của công ty đối với bên ngoài. Các thông tin tài chính của công ty công bố ra bên ngoài do kế toán trưởng chịu trách nhiệm theo uỷ quyền của giám đốc.

## **2.4. Đánh giá thực trạng tổ chức hạch toán kế toán trong công ty chứng khoán ở Việt Nam**

### **2.4.1. Thành quả đạt được**

#### **2.4.1.1. Tổ chức bộ máy kế toán**

Công tác tổ chức bộ máy kế toán tại các công ty chứng khoán được tổ chức khá tốt, không có sự vi phạm về nguyên tắc bất kiêm nhiệm trong phân công lao động kế toán. Trình độ chuyên môn của các lao động kế toán đều từ cao đẳng trở lên. Kế toán trưởng là người có trình độ chuyên môn và kinh

nghiệp cao. Tất cả các công ty chứng khoán đều thực hiện hạch toán trên phần mềm máy vi tính, phần mềm được thiết kế chuyên biệt trong ngành kinh doanh chứng khoán và theo đặc thù của từng doanh nghiệp.

#### **2.4.1.2. Công tác tổ chức chứng từ**

Hệ thống chứng từ sử dụng tại các công ty chứng khoán Việt nam hiện nay đã được tổ chức trên cơ sở hệ thống chứng từ quy định tại QĐ99/2000/QĐ-BTC.

Hệ thống chứng từ được luân chuyển hợp pháp, hợp lệ theo quy định của Bộ tài chính và tuân thủ quy trình quản lý tài chính riêng của từng công ty. Các mẫu chứng từ bắt buộc được tuân thủ đúng quy định, các thông tin trên chứng từ đã phản ánh được thực tế phát sinh của các nghiệp vụ kinh tế về thời gian, khối lượng, nội dung kinh tế và ký duyệt.

#### **2.4.1.3. Công tác tổ chức hệ thống tài khoản**

Hiện nay, tại các công ty chứng khoán, hệ thống tài khoản kế toán đã thực hiện theo QĐ 99/2000/QĐ-BTC ngày 13/6/2000 về việc ban hành chế độ kế toán công ty chứng khoán.

Trên cơ sở hệ thống tài khoản tại quyết định này, các công ty đã chi tiết hệ thống tài khoản theo đặc điểm, mục đích quản lý riêng của từng công ty tạo ra hệ thống tài khoản chi tiết, rõ ràng để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; đảm bảo phát hiện được sai sót khi có lỗi hạch toán, sẵn sàng cung cấp số liệu cho bộ phận quản lý khi có yêu cầu.

Hệ thống tài khoản được chi tiết phù hợp với yêu cầu quản lý, do đó kế toán trưởng, kế toán bộ phận thường xuyên kiểm tra số liệu trên sổ chi tiết tài khoản, từ đó phân tích và phát hiện sai sót nếu có. Đánh giá sai sót và đưa ra các biện pháp kiểm tra nhằm giảm tối đa sai sót. Đồng thời, công việc này cũng giúp kế toán trưởng đánh giá khả năng nắm bắt và phân tích thông tin của kế toán viên.

Các tài khoản theo dõi doanh thu, chi phí được chi tiết cho từng phòng nghiệp vụ tạo điều kiện cho kế toán trưởng lập báo cáo quản trị về chi phí của từng phòng ban nhanh, chính xác. Từ đó, tư vấn cho ban giám đốc đưa ra các quyết sách đúng đắn trong quản lý. Đặc biệt là trong việc xác định định mức chi phí và việc giao doanh thu cho từng phòng ban.

#### **2.4.1.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán và hạch toán một số bút toán cơ bản**

Về việc tổ chức hệ thống sổ và ghi sổ kế toán: Các công ty kinh doanh chứng khoán đều dựa trên mẫu sổ kế toán theo chế độ kế toán công ty chứng khoán để thiết kế hệ thống sổ phù hợp với yêu cầu kinh doanh của đơn vị. Các công ty đều sử dụng phần mềm kế toán nên các mẫu sổ chi tiết được thiết kế đúng mẫu, chỉ tiêu và tiêu chuẩn định sẵn.

Về công tác hạch toán một số bút toán cơ bản: Các bút toán cơ bản đã phản ánh đầy đủ nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

#### **2.4.1.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán**

Thực tế khảo sát cho thấy, ngoài việc lập các báo cáo kế toán theo chế độ hiện hành, các doanh nghiệp kinh doanh chứng khoán còn lập các báo cáo phục vụ cho quản lý nội bộ doanh nghiệp. Báo cáo quản trị thường là: Báo cáo tình hình nắm giữ chứng khoán của bộ phận tự doanh, Báo cáo kết quả kinh doanh của bộ phận tự doanh, Báo cáo tình hình hoạt động môi giới,.... Các báo cáo này được so sánh với kế hoạch, dự toán theo từng thời kỳ nhất định để phân tích các nguyên nhân khách quan, chủ quan ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh; đánh giá kết quả đạt được với năng lực của công ty, do vậy đã góp phần quan trọng trong việc ra các quyết định quan trọng trong quản lý doanh nghiệp.

#### **Kết luận chung về công tác tổ chức hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp kinh doanh chứng khoán:**

Nhìn chung, chế độ kế toán áp dụng trong các doanh nghiệp kinh doanh chứng khoán đã từng bước hoàn thiện, từ khâu tổ chức phân công lao động kế

toán, tổ chức phần mềm sử dụng cho đến việc thực hiện các công tác kế toán trong doanh nghiệp: chế độ chứng từ, tài khoản, sổ, các nghiệp vụ kế toán và báo cáo kế toán đều tương đối tốt. Không có sự vi phạm về chuẩn mực, chế độ kế toán cũng như pháp luật hiện hành. Công tác kiểm tra, kiểm soát hệ thống thông tin kế toán luôn được trú trọng đảm bảo hạn chế sai sót trong hệ thống thông tin kế toán và rủi ro trong quản lý doanh nghiệp.

#### **2.4.2. Tồn tại và nguyên nhân**

Bên cạnh những thành quả đạt được, công tác tổ chức hạch toán kế toán thể hiện những tồn tại nhất định. Do hoạt động kinh doanh chứng khoán còn tương đối mới đối với thị trường Việt Nam. Bởi thế, công tác tổ chức hạch toán kế toán trong các công ty chứng khoán cũng không nằm ngoài sơ đồ phát triển ấy. Khi TTCK bùng nổ vào năm 2007, thì công tác kế toán trong các công ty chứng khoán đã gặp không ít khó khăn đặc biệt là hệ thống phần mềm kế toán không thể đáp ứng được nhu cầu xử lý lượng số liệu không lồ liên tiếp trong chuỗi ngày giao dịch tương đối dài.

##### **a) Phần mềm kế toán luôn gây ra những khó khăn nhất định**

Sự kết nối và tích hợp giữa phần mềm giao dịch và phần mềm nội bộ đã gây không ít khó khăn trong công tác theo dõi, đối chiếu số liệu từ đó làm giảm tốc độ xử lý thông tin kế toán của kế toán trưởng, ban kiểm soát, ban giám đốc.

Ví dụ: Tại công ty chứng khoán công thương

Khi khách hàng đặt lệnh mua chứng khoán (thời điểm T), qua thao tác của nhân viên, phần mềm sẽ thực hiện bút toán phong toả tiền mua của khách hàng: Nợ TK 35311.01-007Cabcdđe

Có TK 35311.02-007Cabcdđe

Tất cả các bút toán loại này được điều khiển theo một tiêu chí và nhận sang phần mềm kế toán nội bộ:

Nợ TK 35311.01

Có TK 35311.02

Sự tích hợp và chuyển số liệu này thường xuyên bỏ sót số liệu. Nguyên nhân có thể do lỗi phần mềm, lượng số liệu cần xử lý quá lớn so với khả năng xử lý của phần mềm hoặc lỗi xảy ra trong quá trình điều khiển hạch toán.

**b) Trách nhiệm nắm giữ tiền gửi giao dịch chứng khoán của NĐT gây nhiều bất cập**

Để thực hiện công việc này, bộ máy kế toán của công ty phải tổ chức thực hiện công tác giao dịch khách hàng với lưu lượng giao dịch trong ngày tương đối lớn. Vì thế bộ máy kế toán trở nên cồng kềnh. Bên cạnh đó, phần mềm cũng phải thiết kế phức tạp hơn để theo dõi quá trình thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng.

Kế toán nội bộ đồng thời với công việc nội bộ phải để tâm nhiều đến việc theo dõi tiền gửi của NĐT tại các ngân hàng. Toàn bộ số tiền này được gửi vào các ngân hàng trên tài khoản độc lập với tài khoản tiền gửi của công ty. Hàng ngày, kế toán nội bộ phải theo dõi số dư các tài khoản này, điều chuyển tiền gửi của NĐT từ các ngân hàng đến ngân hàng chỉ định thanh toán. Quá trình quản lý và thanh toán hộ NĐT cho ngân hàng chỉ định thanh toán hàng năm đều được các công ty kiểm toán do UBCKNN chấp thuận rà soát lại. Thế nhưng có nhiều ý kiến từ phía NĐT cho rằng công ty chứng khoán sử dụng tiền gửi nhân quỹ của NĐT để làm lợi cho công ty.

Để thực hiện yêu cầu của giới đầu tư và đảm bảo tính minh bạch trong thị trường, UBCKNN đã có công văn 611/UBCKNN-QLDK yêu cầu các công ty chứng khoán chuyển toàn bộ tiền gửi của NĐT sang cho ngân hàng quản lý trước 1/10/2008. Công việc này đã gây rất nhiều khó khăn cho công ty chứng khoán trong việc lựa chọn ngân hàng, thiết kế phần mềm kết nối giữa phần mềm giao dịch khách hàng của công ty với phần mềm quản lý của ngân hàng, đảm bảo thông suốt trong giao dịch mua, bán chứng khoán của NĐT.



## **CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN TRONG CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN Ở VIỆT NAM**

### **3.1. Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam và sự cần thiết hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán công ty chứng khoán**

Với tư cách là phương thức khơi thông dòng vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh, TTCK có vai trò vô cùng quan trọng trong nền kinh tế. TTCK là nơi thu hút nguồn vốn trong xã hội để đầu tư vào sản xuất kinh doanh; là công cụ giúp nhà nước thực hiện chiến lược huy động vốn phục vụ cho chương trình phát triển kinh tế xã hội, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

TTCK giúp huy động vốn trung và dài hạn cho các doanh nghiệp cổ phần mà ngân hàng thương mại chưa thể đáp ứng được. TTCK là phương tiện thu hút vốn nước ngoài thông qua các nhà đầu tư nước ngoài mua chứng khoán Việt Nam. TTCK giúp điều hoà vốn giữa các ngành kinh tế quốc doanh, do đó thúc đẩy sự bình quân hoá tỷ suất lợi nhuận - một động lực để cạnh tranh phát triển.

Thông qua TTCK, một mặt doanh nghiệp huy động được vốn, mặt khác cũng thu hút thêm các NĐT mới tham gia vào quản lý doanh nghiệp. Đây là động lực tăng trưởng, là cơ sở cho sự cạnh tranh lành mạnh giữa các ngành.

TTCK là công cụ khuyến khích tiết kiệm và tạo thói quen đầu tư trong công chúng. Có TTCK, công chúng có thêm một phương án lựa chọn đầu tư.

Thông qua TTCK các chủ thể kinh tế có thể trở thành nhà đầu tư trực tiếp và trở thành chủ sở hữu một phần giá trị tài sản của doanh nghiệp. Công chúng dần quen với những quyết định kinh doanh để làm giàu cho bản thân và cho xã hội. Phân bổ quyền lợi và rủi ro cho các thành viên trong xã hội, do đó tạo nên sự quan tâm chung của xã hội đối với nền kinh tế của đất nước.

TTCK thúc đẩy các công ty cổ phần làm ăn có hiệu quả, sổ sách, báo cáo tài chính minh bạch, rõ ràng. Từ đó, tạo thói quen công khai hoá thông tin, đổi mới quản lý để lành mạnh hoá tình hình tài chính, góp phần trong sạch trong môi trường kinh doanh của xã hội.

Lợi nhuận của doanh nghiệp tăng làm cho giá chứng khoán tăng, từ đó khối lượng giao dịch của TTCK tăng theo. Ngược lại, kinh tế suy thoái sẽ dẫn đến thị trường giảm sút.

Vì thế, Chính phủ đã đề ra mục tiêu phát triển TTCK cả về quy mô và chất lượng hoạt động để tạo ra kênh huy động vốn trung và dài hạn cho đầu tư phát triển, góp phần phát triển thị trường tài chính Việt Nam; duy trì trật tự, an toàn, mở rộng phạm vi, tăng cường hiệu quả quản lý, giám sát thị trường nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh và chủ động hội nhập thị trường tài chính quốc tế.

Kinh nghiệm thế giới cho thấy, để TTCK hoạt động có hiệu quả và phát triển thì vai trò của công ty chứng khoán trong việc phân tích tài chính, tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn đầu tư là một trong những khâu quan trọng của thị trường.

Môi trường kinh doanh đầy biến động đòi hỏi các công ty chứng khoán phải nhanh nhạy nắm bắt nhu cầu thay đổi, thích nghi và tận dụng các cơ hội có thể để vươn tới những chân trời phía trước; nhà quản trị doanh nghiệp phải được cung cấp thông tin kế toán cập nhật, chuẩn xác. Để có thể cung cấp thông tin kế toán cập nhật, chính xác hệ thống kế toán doanh nghiệp phải được tổ chức khoa học, hợp lý. Bởi, tổ chức công tác hạch toán kế toán trong công ty cung cấp một bộ khung cho bộ phận tài chính trong đơn vị, góp phần thực hiện và tối ưu hoá các chiến lược kinh doanh trong công ty.

Hiện nay, với các công ty chứng khoán thì hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán là một nhu cầu tất yếu. Hoàn thiện có nghĩa là kế thừa, tiếp thu những cái tốt, khắc phục và loại bỏ những cái không tốt để phát huy thế mạnh sẵn có nhằm đem lại hiệu quả kinh doanh cho các công ty chứng khoán nói riêng và TTCK nói chung.

Hoàn thiện hệ thống chứng từ, đảm bảo hệ thống chứng từ hợp pháp, hợp lệ, phản ánh đầy đủ nội dung kinh tế phát sinh thì độ chính xác của thông tin kế toán được khẳng định chắc chắn.

Hoàn thiện hệ thống tài khoản, sổ, báo cáo kế toán giúp nhà quản trị quản lý chặt chẽ tình hình biến động tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và trạng thái đầu tư của công ty trong kinh doanh.

### **3.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện**

Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán phải đảm bảo yêu cầu:

Phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào chứng từ kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính.

Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phải kịp thời, đúng thời gian quy định; rõ ràng, dễ hiểu, chính xác thông tin và số liệu kế toán.

Phản ánh nghiệp vụ kinh tế phải trung thực hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Thông tin kế toán phải được phản ánh liên tục từ khi phát sinh đến khi kết thúc, số liệu kế toán phản ánh kỳ này phải kế tiếp số liệu kế toán kỳ trước. Thông tin kế toán phải được phân loại, sắp xếp theo trình tự và có hệ thống.

Đồng thời hoàn thiện công tác tổ chức hạch toán kế toán cũng phải dựa trên cơ sở các nguyên tắc kế toán. Luật kế toán đã xác định 6 nguyên tắc kế toán cơ bản: nguyên tắc giá gốc, nhất quán, khách quan, công khai, thận trọng và tuân thủ.

Nguyên tắc nhất quán được hiểu là: một phương pháp kế toán khi đã được chấp nhận thì không nên thay đổi.

Nguyên tắc giá gốc được hiểu là: toàn bộ các khoản đầu tư phải ghi nhận theo giá ban đầu.

Nguyên tắc khách quan được hiểu là: việc ghi chép phải căn cứ trên chứng từ gốc. Tính khách quan trong kế toán xuất phát từ yêu cầu số liệu kế toán phải đạt độ tin cậy cao, phục vụ hữu ích cho việc ra quyết định của các đối tượng sử dụng thông tin.

Nguyên tắc công khai: thực hiện nguyên tắc này, tất cả các tư liệu liên quan đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phải được thông báo công khai cho người sử dụng thông tin.

Nguyên tắc thận trọng: đây là nguyên tắc chủ đạo trong việc giải quyết những vấn đề không chắc chắn. Vận dụng nguyên tắc này trong trường hợp phải đánh giá và ước tính, ví dụ: trong việc lập các khoản dự phòng.

### **3.3. Hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán công ty chứng khoán trong kế toán tài chính và kế toán quản trị**

#### **3.3.1. Phía Bộ tài chính và Ủy ban chứng khoán nhà nước**

##### **3.3.1.1. Về phía Bộ tài chính:**

Hệ thống tài khoản tại QĐ99/2000/QĐ-BTC ngày 13/6/2000 về việc ban hành chế độ kế toán công ty chứng khoán đã được xây dựng khá công phu. Trong quá trình phát triển của TTCK, nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại doanh nghiệp kinh doanh chứng khoán ngày càng đa dạng và nhu cầu nắm bắt thông tin kế toán chi tiết của nhà quản lý ngày càng cao. Do đó, hệ thống tài khoản trên trở nên hạn chế trong việc phản ánh diễn biến nghiệp vụ, doanh thu, chi phí của từng hoạt động kinh doanh.

Vì vậy, tôi xin mạnh dạn đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện hệ thống tài khoản tại QĐ99/2000/QĐ-BTC như sau:

##### **a) Bổ sung tài khoản trung gian theo dõi phí môi giới:**

Hiện nay, khi thu được phí môi giới mua, bán chứng khoán của khách hàng, các công ty chứng khoán đều hạch toán vào tài khoản 5111 - Doanh thu môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư. Thực chất toàn bộ phần phí này chưa phải là doanh thu của công ty.

Hàng tháng, công ty chứng khoán tổng hợp khối lượng chứng khoán giao dịch trong tháng để tính ra phí giao dịch phải trả; đối chiếu với Sở GDCK TP.HCM và TTGDCK Hà Nội để làm căn cứ thanh toán và hạch toán vào chi phí công ty. Thực chất, sau khi trừ đi phí giao dịch chứng khoán của bộ phận tự doanh thì phần phí còn lại là công ty chứng khoán trả hộ nhà đầu tư chứ không phải là chi phí công ty.

Vì vậy, Bộ tài chính cần bổ sung thêm tài khoản 3386 - **Phí môi giới chứng khoán**. Khi công ty thu được phí môi giới chứng khoán từ nhà đầu tư sẽ tập hợp vào bên Có TK 3386 (chi tiết theo từng hoạt động môi giới). Cuối tháng, khi công ty tính ra số phí giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư phải trả cho Sở GDCK TP.HCM, TTGD CK Hà Nội, kế toán sẽ ghi vào bên Nợ TK 3386 (chi tiết theo từng hoạt động môi giới). Số dư bên Có của TK 3386 (chi tiết theo từng hoạt động môi giới) sẽ được chuyển thành doanh thu môi giới của công ty trong kỳ.

Khi thu được phí môi giới mua chứng khoán của khách hàng, ghi:

Nợ TK 35311 - Tiền gửi của NĐT gửi tại công ty để thanh toán giao dịch CK (số tiền đã bị phong tỏa tại thời điểm T)

Có TK 33861 - Phí môi giới mua chứng khoán

Khi thu được phí môi giới bán chứng khoán của khách hàng, ghi:

Nợ TK 35311 - Tiền gửi của NĐT gửi tại công ty để thanh toán giao dịch CK (được thanh toán vào thời điểm T+3)

Có TK 33862 - Phí môi giới bán chứng khoán

Cuối tháng, khi công ty tính ra số phí phải trả Sở GDCK TP.HCM và TTGDCK Hà Nội, ghi:

Nợ TK 33861 - Phí môi giới mua chứng khoán

Nợ TK 33862 - Phí môi giới bán chứng khoán

Có TK 3311 - Phải trả TTGDCK (chi tiết cho Sở GDCK TP.HCM và TTGDCK Hà Nội)

Cuối tháng, toàn bộ số dư bên có của TK 33861 và TK 33862 sẽ ghi vào doanh thu của công ty:

Nợ TK 33861 - Phí môi giới mua chứng khoán

Nợ TK 33862 - Phí môi giới bán chứng khoán

Có TK 5111 - Doanh thu môi giới chứng khoán (chi tiết theo từng hoạt động môi giới mua, bán).

**b) Đổi tên tài khoản đảm bảo phản ánh toàn diện doanh thu, chi phí của hoạt động tư vấn tài chính:**

Hiện nay, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp trong các công ty chứng khoán rất đa dạng, bao gồm: tư vấn cổ phần hoá, tư vấn phát hành, tư vấn niêm yết, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn đăng ký lưu ký và tư vấn mua/bán, sáp nhập. Đảm bảo phản ánh đúng và chi tiết doanh thu, chi phí hoạt động từng hoạt động tư vấn. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong việc lập báo cáo quản trị về hoạt động tư vấn. Bộ tài chính nên đổi tên tài khoản **6314 - Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, 5114 - doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán** thành **Chi phí tư vấn tài chính doanh nghiệp** và **Doanh thu tư vấn tài chính doanh nghiệp**.

Trên cơ sở tài khoản cấp 2 (TK 6314 và 5114), doanh nghiệp chi tiết tài khoản 6314 và 5114 theo từng hoạt động tư vấn.

**3.3.1.2. Phía Ủy ban chứng khoán nhà nước:**

Quá trình thực hiện công văn 611/UBCKNN-QLKD về việc yêu cầu các công ty chứng khoán chuyển toàn bộ tiền gửi của NĐT sang cho ngân hàng quản lý trước 1/10/2008, công ty chứng khoán đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc lựa chọn ngân hàng mở tài khoản trong bối cảnh công ty chứng khoán luôn phải cố tìm mọi cách để giữ chân khách hàng.

Quá trình kết nối giữa hệ thống thông tin tại công ty chứng khoán và hệ thống thông tin của ngân hàng cũng gây rất nhiều khó khăn cho công ty chứng khoán trong việc chuẩn bị cơ sở hạ tầng: phần cứng (hệ thống máy móc thiết bị), nhân viên vận hành, và phần mềm.

Sự tích hợp giữa hai hệ thống thông tin của hai cơ quan khác nhau có đảm bảo thông suốt cho giao dịch hay không? Câu hỏi này luôn đau đầu trong tâm trí của nhà quản lý công ty chứng khoán.

Hơn thế nữa, công việc chuyển đổi dữ liệu từ công ty chứng khoán sang ngân hàng cũng gây nhiều bất cập.

Chính vì thế, hơn ai hết chỉ có UBCKNN mới có thể đưa ra các quy định đối với ngân hàng thực hiện nắm giữ tiền gửi của nhà đầu tư để bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư cũng như công ty chứng khoán. Đồng thời UBCKNN cũng cần đưa ra các biện pháp hỗ trợ công ty chứng khoán xây dựng hệ thống phần mềm đảm bảo sự tích hợp chuẩn xác giữa hệ thống thông tin của ngân hàng và công ty chứng khoán như: xây dựng phương án chuyển đổi số liệu, cung cấp mô hình quy chuẩn về phần mềm giao dịch tại công ty chứng khoán và ngân hàng giữ tiền của nhà đầu tư.

### **3.3.2. Về phía doanh nghiệp**

#### **3.3.2.1. Về tổ chức bộ máy kế toán**

Để cung cấp thông tin hoàn hảo hơn cho bộ phận quản lý trong điều kiện TTCK còn non trẻ và biến động không ngừng, giảm công việc mang tính chất nghiệp vụ cho kế toán trưởng. Các công ty chứng khoán nên sắp xếp lao động kế toán hợp lý hơn để thực hiện công tác kế toán quản trị song song với công tác kế toán tài chính. Bộ máy kế toán quản trị sẽ gồm ba bộ phận:

Bộ phận dự toán

Bộ phận phân tích, đánh giá

Bộ phận tư vấn

Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán quản trị trình bày tại Phụ lục 3.1

Khi đó, công việc của bộ máy kế toán quản trị và bộ máy kế toán tài chính được tổ chức kết hợp như sau:

Loại hình	Tác nghiệp	Kết quả
Kế toán tài chính	Ghi sổ kế toán, xử lý số liệu	Lập báo cáo tài chính
	tổng hợp	
Kế toán quản trị	Lập dự toán, xử lý số liệu	Lập báo cáo quản trị
	chi tiết	

#### **3.3.2.2. Tổ chức hệ thống tài khoản và hạch toán kế toán**

##### **a) Tổ chức hệ thống tài khoản**

- Để có thể quản lý được danh mục đầu tư của từng nhân viên tự doanh, đồng thời trợ giúp cho ban lãnh đạo đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng nhân viên tự doanh. Bộ phận kế toán cần chi tiết tài khoản **121 - chứng khoán tự doanh** và tài khoản **6312 - chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán, 5112 - doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán** cho từng nhân viên tự doanh. Từ đó theo dõi doanh thu, chi phí tự doanh chứng khoán theo từng nhân viên. Công việc này có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá năng lực của từng nhân viên tự doanh, tạo điều kiện phân tích các nguyên nhân khách quan, chủ quan ảnh hưởng đến kết quả tự doanh của toàn công ty.

Công việc này cũng là cơ sở để bộ phận nhân sự xây dựng định mức lương theo hiệu quả công việc của nhân viên; Từ đó, đưa ra phương pháp sử dụng quỹ lương có hiệu quả hơn.

- Đồng thời doanh nghiệp cũng nên chi tiết tài khoản 3386 - **Phí môi giới chứng khoán** cho từng nhân viên môi giới. Kết hợp với bộ phận môi giới phân nhóm khách hàng và giao cho nhân viên môi giới quản lý theo nhóm. Từ đó nắm được lượng giao dịch của từng nhóm khách hàng. Trên cơ sở đó đánh giá hiệu quả môi giới của từng nhân viên; phân tích các yếu tố khách quan chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động môi giới của công ty.

Công việc này cũng tạo điều kiện cho bộ phận nhân sự trong việc phân loại nhân viên; xây dựng mức lương, thưởng cho nhân viên môi giới và xây dựng phương pháp sử dụng quỹ lương có hiệu quả.



## KẾT LUẬN

Sau hơn 7 năm chính thức đi vào hoạt động TTCK Việt Nam ngày càng thể hiện vai trò quan trọng của mình trong sự phát triển chung của nền kinh tế. Cuối năm 2005, chỉ có 41 công ty niêm yết, với tỷ lệ vốn trên thị trường chứng khoán thấp hơn 1 tỷ USD, tương đương với 1,2% GDP. Đến cuối tháng 9/2007, số các công ty niêm yết đã tăng lên 206, tổng giá trị thị trường chứng khoán vượt mức 22 tỷ đô la, tương đương với 32,4% GDP. Theo đánh giá của các chuyên gia, sau một giai đoạn tăng nhanh, đến tháng 3/2007, thị trường hiện nay đã đi vào ổn định.

Trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của TTCK đòi hỏi các Công ty Chứng khoán phải giữ vai trò là một định chế tài chính trung gian vững chắc. Để thực hiện xứng mệnh đó, tổ chức hạch toán kế toán đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình vận hành, quản trị Công ty Chứng khoán. Tổ chức hạch toán tốt không những giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra các quyết sách chính xác, nhanh chóng mà còn góp phần đẩy nhanh hoạt động của toàn thị trường.

Với đề tài: “Hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán trong các Công ty Chứng khoán ở Việt Nam”, tôi đã giải quyết được một số vấn đề sau:

- Hệ thống hoá cơ sở lý luận tổ chức hạch toán kế toán trong quản trị Công ty Chứng khoán.
- Đánh giá thực trạng tổ chức hạch toán kế toán trong quản trị Công ty Chứng khoán ở Việt Nam.
- Giải pháp hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán trong các Công ty Chứng khoán

